

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
1	Nguyễn Tung	Duong	30-06-07	2555010046	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	140	160	300	26-10-25
2	Nguyễn Thi Tra	My	05-06-07	2555030032	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	215	85	300	26-10-25
3	Nguyễn Huu	Phat	09-04-07	2555020069	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	160	145	305	26-10-25
4	Vu Duc	Quang	17-09-07	2555020075	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	110	195	305	26-10-25
5	Nguyễn Quang	Dung	28-07-07	2555010038	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	140	165	305	26-10-25
6	Dao Hong	Quan	10-11-07	2555010160	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	150	155	305	26-10-25
7	Nguyễn Minh	Vu	17-05-07	2555030051	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	205	100	305	26-10-25
8	Nguyễn Thi	Hien	03-04-07	2555020031	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	190	120	310	26-10-25
9	Ha Khanh	Duy	18-05-07	2555020016	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	195	115	310	26-10-25
10	Tran Duc	Cao	03-10-07	2555010026	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	210	100	310	26-10-25
11	Nguyễn Duc	Cuong	19-01-07	2555010031	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	165	145	310	26-10-25
12	Nguyễn Huu	Nguyễn	27-11-07	2555010139	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	150	160	310	26-10-25
13	Bui Thanh	Lam	14-08-07	2555020043	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	190	125	315	26-10-25
14	Nguyễn Quy	Thanh	02-01-07	2555010170	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	235	80	315	26-10-25
15	Tran Van	Luong	09-03-07	2555010111	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	195	120	315	26-10-25
16	Phuong Thi Quynh	Hoa	21-02-07	2555030021	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	190	125	315	26-10-25
17	Vu Thi Quynh	Trang	12-06-07	2555030048	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	145	170	315	26-10-25
18	Nguyễn Hoang	Giang	26-02-07	2555020028	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	175	145	320	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
19	Đo Văn	Thai	03-06-07	2555020080	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	170	150	320	26-10-25
20	Trinh Trong	Bao	01-11-07	2555010025	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	175	145	320	26-10-25
21	Le Thi Huyen	Mai	04-10-07	2555010113	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	175	145	320	26-10-25
22	Nguyen Manh	Hung	05-07-07	2555010078	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	195	125	320	26-10-25
23	Nguyen Bao	Nhi	15-04-07	2555010142	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	185	135	320	26-10-25
24	Nguyen Xuan	Dat	11-01-07	2555020023	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	205	120	325	26-10-25
25	Tong Thi Thanh	Lam	21-01-07	2555020044	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	185	140	325	26-10-25
26	Le Thanh	Dat	04-08-07	2555010049	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	190	135	325	26-10-25
27	Ngo Quang	Dung	14-09-07	2555010036	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	205	120	325	26-10-25
28	Tran Duy	Manh	09-09-07	2555010116	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	160	165	325	26-10-25
29	Dinh Nhat	Minh	02-07-07	2555010118	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	195	135	330	26-10-25
30	Nguyen Thi Van	Phuong	24-02-07	2555020070	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	150	185	335	26-10-25
31	Nguyen Minh	Duc	03-09-07	2555010057	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	205	130	335	26-10-25
32	Nguyen Phuong	Linh	13-07-07	2555020048	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	205	135	340	26-10-25
33	Tran Nguyen Uyen	Trang	14-01-07	2555020094	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	235	105	340	26-10-25
34	Vu Quang	Anh	14-12-07	2555010020	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	220	120	340	26-10-25
35	Dinh Lam	Tuyen	11-11-07	2555020100	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	225	120	345	26-10-25
36	Vu Dinh Anh	Tu	25-12-07	2555010193	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	190	155	345	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TẦNG CUỒNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2**

Hu

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
						Listening	Reading	Total	
37	Luu Vu Hai	02-07-07	2555010062	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	195	150	345	26-10-25
38	Do Quang Duong	08-02-07	2551050021	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	145	155	300	26-10-25
39	Nguyen Ha Minh Hieu	28-12-07	2551050030	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	165	135	300	26-10-25
40	Nguyen Hai Nam	30-12-06	2551050059	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	195	105	300	26-10-25
41	Pham Tuan Thanh	17-03-07	2554010037	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	170	135	305	26-10-25
42	Khong Gia Huy	19-11-07	2556010018	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	195	110	305	26-10-25
43	Nguyen Tuan Hoang	29-12-07	2551050037	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	175	135	310	26-10-25
44	Tran Vu Thinh	13-12-07	2551050076	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	190	120	310	26-10-25
45	Le Trung Kien	17-12-07	2551040022	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	190	120	310	26-10-25
46	Pham Thi Minh Thu	03-10-07	2551040044	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	190	120	310	26-10-25
47	Nguyen Tien Cong	08-03-07	2551040007	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	145	175	320	26-10-25
48	Nguyen Minh Tam	17-05-07	2551050071	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	165	160	325	26-10-25
49	Dang Tran Toan Thang	13-10-07	2551050074	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	200	125	325	26-10-25
50	Nguyen Thu Trang	23-04-07	2551050082	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	170	160	330	26-10-25
51	Trinh Minh Thanh	06-07-07	2551050073	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	125	210	335	26-10-25
52	Nguyen Duc Trung	01-01-07	2551050085	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	185	150	335	26-10-25
53	Luong Hai Duong	20-12-07	2554010007	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	215	120	335	26-10-25
54	Nguyen Tuan Khang	14-09-07	2551060014	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25M	170	165	335	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
55	Vu Minh	Khang	25-11-07	2551040020	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	205	135	340	26-10-25
56	Vu Quang Hoang	Ha	05-11-07	2553020015	Khoa Quản lý đô thị	25IE	165	135	300	26-10-25
57	Le Tran Nhat	Tien	04-10-07	2551080131	Khoa Quản lý đô thị	25Q12	170	130	300	26-10-25
58	Vu Minh	Hang	15-02-07	2553030025	Khoa Quản lý đô thị	25TL	155	145	300	26-10-25
59	Nguyen Dang	Khoa	08-10-07	2553030033	Khoa Quản lý đô thị	25TL	185	115	300	26-10-25
60	Ta Quynh	Anh	12-02-07	2553040003	Khoa Quản lý đô thị	25DE	170	135	305	26-10-25
61	Bui Tuan	Hai	05-09-07	2553020016	Khoa Quản lý đô thị	25IE	185	120	305	26-10-25
62	Dinh Ngoc	Khanh	10-08-07	2553010077	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	185	120	305	26-10-25
63	Nguyen Thi Phuong	Chi	17-11-07	2551080016	Khoa Quản lý đô thị	25QL1	160	145	305	26-10-25
64	Pham Tuan	Hung	11-11-07	2551080067	Khoa Quản lý đô thị	25QL1	130	175	305	26-10-25
65	Hoang Duc	Manh	28-05-07	2551080093	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	190	115	305	26-10-25
66	Le Huyen	Trang	25-01-06	2553030057	Khoa Quản lý đô thị	25TL	185	120	305	26-10-25
67	Vu Thi Minh	Thu	09-06-07	2553040038	Khoa Quản lý đô thị	25DE	165	145	310	26-10-25
68	Sin Thanh	Mien	28-03-07	2553020027	Khoa Quản lý đô thị	25IE	185	125	310	26-10-25
69	Dao Thuy	Dung	26-01-07	2553010033	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	165	145	310	26-10-25
70	Pham Quynh	Anh	21-08-07	2551080008	Khoa Quản lý đô thị	25Q12	160	150	310	26-10-25
71	Bui Thu	Phuong	06-09-07	2551080110	Khoa Quản lý đô thị	25Q12	185	125	310	26-10-25
72	Nguyen Hoang Nhat	Linh	20-11-07	2553020024	Khoa Quản lý đô thị	25IE	160	155	315	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
73	Nguyễn Thi Thu	Ha	29-09-07	2553010058	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	180	135	315	26-10-25
74	Nguyễn Viet	Hoang	26-07-07	2553010064	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	165	150	315	26-10-25
75	Phạm Thao	Linh	14-02-07	2553010091	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	160	155	315	26-10-25
76	Phạm Minh	Thuy	23-08-07	2553010151	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	185	130	315	26-10-25
77	Nguyễn Khắc Minh	Hieu	01-01-07	2553010062	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	155	160	315	26-10-25
78	Nguyễn Tuan	Huy	07-12-07	2553010068	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	185	130	315	26-10-25
79	Tran Huong	Ly	20-04-07	2553010098	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	220	95	315	26-10-25
80	Tran Ngoc	Anh	03-02-07	2551080009	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	185	130	315	26-10-25
81	Nguyễn Tran Le	Chien	19-03-07	2556030013	Khoa Quản lý đô thị	25RM	185	130	315	26-10-25
82	Vo Anh	Tuan	18-04-07	2556030058	Khoa Quản lý đô thị	25RM	180	135	315	26-10-25
83	Nguyễn Hai	Anh	28-07-07	2553020003	Khoa Quản lý đô thị	25IE	170	150	320	26-10-25
84	Nguyễn Thi Khanh	Ly	23-12-07	2553010097	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	135	185	320	26-10-25
85	Le Cong Quy	Loi	22-01-07	2553010096	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	190	130	320	26-10-25
86	Nguyễn Hai	Thinh	30-07-07	2553010144	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	140	180	320	26-10-25
87	Vu Ngoc	Anh	15-11-07	2556030011	Khoa Quản lý đô thị	25RM	185	135	320	26-10-25
88	Phạm Thi Yen	Nhi	10-06-07	2556030045	Khoa Quản lý đô thị	25RM	190	130	320	26-10-25
89	Ngo Van	Vinh	21-04-07	2556030060	Khoa Quản lý đô thị	25RM	170	150	320	26-10-25
90	Luong Hong	Duc	25-12-07	2553030020	Khoa Quản lý đô thị	25TL	185	135	320	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
91	Nguyen Thi	Hoa	23-02-07	2553040016	Khoa Quản lý đô thị	25DE	155	170	325	26-10-25
92	Pham Nhu	Quynh	03-06-07	2553020037	Khoa Quản lý đô thị	25IE	180	145	325	26-10-25
93	Dao Thai	Duong	25-03-07	2553010041	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	195	130	325	26-10-25
94	Nguyen Tuan	Anh	09-07-07	2551080005	Khoa Quản lý đô thị	25Q12	180	145	325	26-10-25
95	Vu Thi Phuong	Thao	11-03-07	2556030050	Khoa Quản lý đô thị	25RM	205	120	325	26-10-25
96	Hoang Hai	Yen	24-01-07	2553030063	Khoa Quản lý đô thị	25TL	240	85	325	26-10-25
97	Nguyen Thuy	Trang	19-01-07	2553010170	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	170	160	330	26-10-25
98	Vu Thanh	Vinh	10-05-07	2553010186	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	205	125	330	26-10-25
99	Nguyen Duc	Loc	22-12-07	2556030038	Khoa Quản lý đô thị	25RM	160	170	330	26-10-25
100	Vo Thu	Hien	02-11-07	2553030026	Khoa Quản lý đô thị	25TL	160	170	330	26-10-25
101	Nguyen Minh	Trang	27-09-07	2553020044	Khoa Quản lý đô thị	25IE	210	125	335	26-10-25
102	Vu Duc	An	15-03-07	2553010002	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	220	115	335	26-10-25
103	Nguyen Quang	Tung	12-02-07	2553010182	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	220	115	335	26-10-25
104	Nguyen Duc	Luong	13-06-07	2551080086	Khoa Quản lý đô thị	25Q12	215	120	335	26-10-25
105	Vu Ngoc Bao	Ngan	22-05-07	2556030043	Khoa Quản lý đô thị	25RM	180	155	335	26-10-25
106	Nguyen Thi Ngoc	Diep	24-09-07	2553030012	Khoa Quản lý đô thị	25TL	185	150	335	26-10-25
107	Lai Thai	Duong	10-10-07	2553030017	Khoa Quản lý đô thị	25TL	210	125	335	26-10-25
108	Nguyen Quang	Huy	09-06-07	2553030029	Khoa Quản lý đô thị	25TL	160	175	335	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
						Listening	Reading	Total	
109	Le Ngoc Khue	12-04-07	2553030034	Khoa Quản lý đô thị	25TL	220	115	335	26-10-25
110	Can Thi Minh	08-02-07	2553040039	Khoa Quản lý đô thị	25DE	170	170	340	26-10-25
111	Nguyen Phu Tien	15-05-07	2553040042	Khoa Quản lý đô thị	25DE	180	160	340	26-10-25
112	Chu Phuong Linh	17-06-07	2553020020	Khoa Quản lý đô thị	25IE	220	120	340	26-10-25
113	Dao Dinh Tung	13-05-07	2553020049	Khoa Quản lý đô thị	25IE	160	180	340	26-10-25
114	Hoang Mai Vi	16-12-07	2553010184	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	195	145	340	26-10-25
115	Nguyen Dieu Linh	05-10-07	2553040022	Khoa Quản lý đô thị	25DE	240	105	345	26-10-25
116	Pham Anh Tu	18-05-06	2553010178	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	240	105	345	26-10-25
117	Pham Thi Lan Anh	09-11-07	2553010014	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	165	180	345	26-10-25
118	Hoang Manh Hung	17-10-07	2551080058	Khoa Quản lý đô thị	25QL1	205	140	345	26-10-25
119	Nguyen Thi Khanh Linh	28-06-07	2551080080	Khoa Quản lý đô thị	25QI2	185	160	345	26-10-25
120	Nguyen Nhat Quynh	25-12-07	2558010134	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	190	110	300	26-10-25
121	Nguyen Tra My	22-11-07	2558010102	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	190	110	300	26-10-25
122	Nguyen Ngoc Mai	19-12-07	2558040051	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	155	145	300	26-10-25
123	Nguyen Thi Thanh Thuy	01-03-07	2558040078	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	175	125	300	26-10-25
124	Vu Thuy Duong	04-11-07	2558010040	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	175	130	305	26-10-25
125	Tran Tu Uyen	17-08-07	2558010163	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	180	125	305	26-10-25
126	Trinh Thi Thu Huyen	25-12-07	2558010062	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	165	140	305	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
127	Nguyen Hien	Luong	02-12-07	2558010084	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	175	130	305	26-10-25
128	Ha Minh	Thu	08-03-07	2558010145	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	175	130	305	26-10-25
129	Do Phuong	Lan	21-08-07	2558030008	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DK	210	95	305	26-10-25
130	Trinh Thi Hong	Anh	24-09-07	2558040010	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	180	125	305	26-10-25
131	Le	Vy	09-05-07	2558040088	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	185	120	305	26-10-25
132	Nguyen Thi Ngoc	Bich	03-06-07	2558010025	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	155	155	310	26-10-25
133	Tran Thi Thao	Vy	28-05-07	2558010172	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	135	175	310	26-10-25
134	Trieu Thi	Ly	22-07-07	2558010090	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	170	140	310	26-10-25
135	Nguyen Bao	Han	30-10-07	2558010048	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	185	130	315	26-10-25
136	Tran Thi Kim	Oanh	23-07-07	2558050037	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	145	175	320	26-10-25
137	Nguyen Mai	Anh	23-05-07	2558040005	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	150	170	320	26-10-25
138	Duong Khanh	Ly	02-10-06	2558040047	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	185	135	320	26-10-25
139	Duong Minh	Hieu	24-02-07	2558010052	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	145	180	325	26-10-25
140	Trinh Thi My	Diep	24-03-07	2558010037	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	170	155	325	26-10-25
141	Truong Thi Ngoc	Huyen	19-03-07	2558060008	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25MDT	190	135	325	26-10-25
142	Nguyen Thi	Ha	22-03-07	2558010046	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	190	140	330	26-10-25
143	Le Trung	Hieu	16-10-07	2558010053	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	155	175	330	26-10-25
144	Dang Huu Quoc	Anh	05-01-07	2558050001	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	210	120	330	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2** *100%*

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
						Listening	Reading	Total	
145	Phạm Quốc Huy	02-10-07	2558040029	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	155	175	330	26-10-25
146	Mai Gia Huy	22-01-07	2558010058	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	185	150	335	26-10-25
147	Bui Thai Lien	24-01-07	2558010071	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	175	160	335	26-10-25
148	Nguyen Thao Vy	04-06-07	2558050047	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	190	145	335	26-10-25
149	Kieu Xuan Tho	19-07-07	2025010144	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	190	150	340	26-10-25
150	Do Tra My	23-11-07	2558060015	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25MDT	200	140	340	26-10-25
151	Nguyen Ngoc Huyen	10-03-07	2558050019	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	190	150	340	26-10-25
152	Le Khanh Linh	22-05-07	2558010079	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	165	180	345	26-10-25
153	Nguyen Le Na	03-11-07	2558010106	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	210	135	345	26-10-25
154	Hoang Dieu Linh	01-11-07	2558010076	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	175	170	345	26-10-25

(Danh sách gồm 154 sinh viên)

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
1	Chu Thi	Hoa	08-06-07	2555020033	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	150	155	305	23-11-25
2*	Nguyen Hai	Nam	13-06-07	2555020059	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	190	125	315	23-11-25
3	Ly Thi Yen	Nhu	31-07-07	2555010146	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	170	150	320	23-11-25
4	Tran Thi Tram	Anh	12-09-07	2551010040	Khoa Kiến trúc	25K+	215	85	300	23-11-25
5	Ta Tri	Cong	16-01-07	2551010069	Khoa Kiến trúc	25K2	165	135	300	23-11-25
6	Ngo Phuong	Thao	22-07-07	2551010344	Khoa Kiến trúc	25K4	135	165	300	23-11-25
7	Chu Duc	Manh	08-03-07	2551010235	Khoa Kiến trúc	25K3	205	100	305	23-11-25
8	Nguyen Mai Ngoc	Anh	01-10-07	2551010043	Khoa Kiến trúc	25K4	135	170	305	23-11-25
9	Nguyen Dang Khoi	Nguyen	15-05-07	2551010280	Khoa Kiến trúc	25K6	185	120	305	23-11-25
10	Nguyen Thi Thuy	Linh	19-10-07	2551010215	Khoa Kiến trúc	25K6	160	145	305	23-11-25
11	Nguyen Minh	Tuan	25-06-07	2551010393	Khoa Kiến trúc	25K+	160	150	310	23-11-25
12	Pham Tien	Dat	12-04-07	2551010105	Khoa Kiến trúc	25K3	140	170	310	23-11-25
13	Dao Xuan	Thai	21-11-07	2551010335	Khoa Kiến trúc	25K1	205	115	320	23-11-25
14	Phan Quoc	Khanh	07-11-07	2551010184	Khoa Kiến trúc	25K6	170	150	320	23-11-25
15	Vu Tien	Thanh	15-01-07	2551010342	Khoa Kiến trúc	25K6	215	105	320	23-11-25
16	Bui Ngoc	Oanh	03-10-07	2551010295	Khoa Kiến trúc	25K1	190	135	325	23-11-25
17	Nguyen Duc	Cuong	08-03-07	2551010070	Khoa Kiến trúc	25K2	215	110	325	23-11-25
18	Phuong Tan	Loc	15-05-07	2551010227	Khoa Kiến trúc	25K2	165	160	325	23-11-25
19	Nguyen Quoc	Quan	20-06-07	2551010317	Khoa Kiến trúc	25K6	225	100	325	23-11-25
20	Tran Trong	Khanh	01-11-07	2551010190	Khoa Kiến trúc	25K1	195	135	330	23-11-25
21	Vu Trong	Duyet	26-01-07	2551010090	Khoa Kiến trúc	25K1	230	100	330	23-11-25
22	Nguyen Long	Nhat	18-12-07	2551010285	Khoa Kiến trúc	25K2	175	155	330	23-11-25
23	Nguyen Quang	Hung	13-11-06	2551010172	Khoa Kiến trúc	25K2	210	120	330	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
24	Dinh Hoang Dieu	Linh	22-01-07	2551010210	Khoa Kiến trúc	25K2	230	100	330	23-11-25
25	To Thi	Chuc	17-12-07	2551010066	Khoa Kiến trúc	25K6	205	125	330	23-11-25
26	Nguyen Dinh	Thien	25-01-06	2551010352	Khoa Kiến trúc	25K6	220	110	330	23-11-25
27	Nguyen Van	Duy	26-08-07	2551010086	Khoa Kiến trúc	25K4	205	130	335	23-11-25
28	Do Quang	Dung	28-08-07	2551010080	Khoa Kiến trúc	25K5	185	150	335	23-11-25
29	Pham Tuan	Hung	18-04-07	2551010155	Khoa Kiến trúc	25K+	225	115	340	23-11-25
30	Le Khac	Phung	10-04-06	2551010304	Khoa Kiến trúc	25K+	185	155	340	23-11-25
31	Man Thi	Duong	12-07-07	2551010092	Khoa Kiến trúc	25K1	185	155	340	23-11-25
32	Nguyen Minh	Nhat	22-05-07	2551010286	Khoa Kiến trúc	25K1	235	105	340	23-11-25
33	Hoang Thi Anh	Kieu	22-10-07	2551010200	Khoa Kiến trúc	25K4	205	135	340	23-11-25
34	Le Nhat	Anh	16-10-07	2551010014	Khoa Kiến trúc	25K4	190	150	340	23-11-25
35	Phan Ngoc	Anh	30-10-07	2551010046	Khoa Kiến trúc	25K+	175	170	345	23-11-25
36	Nguyen Thi	Loan	16-01-07	2551010220	Khoa Kiến trúc	25K+	210	135	345	23-11-25
37	Dao Ngoc	Trung	15-02-07	2551010383	Khoa Kiến trúc	25K1	160	185	345	23-11-25
38	Tran Bich	Diep	13-07-07	2551010075	Khoa Kiến trúc	25K2	175	170	345	23-11-25
39	Bui Mai	Phuong	09-06-07	2551010306	Khoa Kiến trúc	25K5	165	180	345	23-11-25
40	Nguyen Thu	Trang	02-01-07	2551010374	Khoa Kiến trúc	25K6	190	155	345	23-11-25
41	Ngo Thanh	Dat	27-06-07	2554010008	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	205	120	325	23-11-25
42	Ngo Dinh Tuan	Kiet	02-08-07	2554010023	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	205	140	345	23-11-25
43	Tran Minh	Thu	30-10-07	2558020255	Khoa Nội thất	25NT2	190	110	300	23-11-25
44	Nguyen Thu	Huong	22-10-07	2558020120	Khoa Nội thất	25NT4	185	115	300	23-11-25
45	Pham Thi Ngoc	Khue	18-05-07	2558020336	Khoa Nội thất	25NT8	170	130	300	23-11-25
46	Nguyen Dinh Ngoc	Thach	01-09-06	2558020243	Khoa Nội thất	25NT1	165	140	305	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
47	Tran Xuan	Mai	01-03-06	2558020338	Khoa Nội thất	25NT2	215	90	305	23-11-25
48	Nguyen Thi Hong	Hanh	25-06-07	2558020086	Khoa Nội thất	25NT4	165	140	305	23-11-25
49	Nguyen Nhu	Quynh	18-09-07	2558020234	Khoa Nội thất	25NT6	185	120	305	23-11-25
50	Tran Thi	Thuong	22-09-07	2558020273	Khoa Nội thất	25NT6	170	135	305	23-11-25
51	Nguyen Van	Thy	14-03-07	2558020274	Khoa Nội thất	25NT6	165	140	305	23-11-25
52	Hoang Tra	My	22-10-07	2558020181	Khoa Nội thất	25NT7	135	170	305	23-11-25
53	Doan Dieu	Linh	29-09-07	2558020141	Khoa Nội thất	25NT1	210	100	310	23-11-25
54	Pham Ngoc	Anh	06-11-07	2558020032	Khoa Nội thất	25NT3	165	145	310	23-11-25
55	Ngo Thao	Chi	09-02-07	2558020064	Khoa Nội thất	25NT3	190	120	310	23-11-25
56	Doan Thi	Thuy	13-04-06	2558020262	Khoa Nội thất	25NT4	170	140	310	23-11-25
57	Nguyen Huong	Giang	30-04-07	2558020079	Khoa Nội thất	25NT6	175	135	310	23-11-25
58	Nguyen Thi Minh	Khue	10-08-07	2558020127	Khoa Nội thất	25NT6	210	100	310	23-11-25
59	Nguyen Van	Dat	23-09-07	2558020075	Khoa Nội thất	25NT6	170	140	310	23-11-25
60	Ngo Xuan	Quang	19-10-07	2558020228	Khoa Nội thất	25NT1	175	140	315	23-11-25
61	Luong Phuong	Linh	19-07-07	2558020142	Khoa Nội thất	25NT8	170	145	315	23-11-25
62	Vu Tung	Lam	20-03-07	2558020132	Khoa Nội thất	25NT1	150	170	320	23-11-25
63	Nguyen Ngoc Minh	Chau	26-09-07	2558020058	Khoa Nội thất	25NT2	215	105	320	23-11-25
64	Tran Van	Vui	18-09-06	2558020320	Khoa Nội thất	25NT3	185	135	320	23-11-25
65	Nguyen The	Nhan	20-08-07	2558020204	Khoa Nội thất	25NT4	185	135	320	23-11-25
66	Mac Bao	Tran	21-05-07	2558020294	Khoa Nội thất	25NT6	170	150	320	23-11-25
67	Tham Ha	Anh	07-02-07	2558020037	Khoa Nội thất	25NT7	205	115	320	23-11-25
68	Bui Minh	Anh	02-07-07	2558020005	Khoa Nội thất	25NT8	195	125	320	23-11-25
69	Nguyen Ba	Son	19-12-07	2558020238	Khoa Nội thất	25NT8	230	90	320	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
70	Nguyễn Khanh	An	20-12-07	2558020001	Khoa Nội thất	25NT1	215	110	325	23-11-25
71	Tong Thu	Thao	30-03-07	2558020252	Khoa Nội thất	25NT2	205	120	325	23-11-25
72	Nguyễn Hai	Tuong	22-12-07	2558020303	Khoa Nội thất	25NT3	170	155	325	23-11-25
73	Ngo Hoang	Vu	14-01-07	2558020319	Khoa Nội thất	25NT6	215	110	325	23-11-25
74	Vu Thi Tra	My	11-07-07	2558020185	Khoa Nội thất	25NT8	140	185	325	23-11-25
75	Pham Huu	Huy	17-02-07	2558020105	Khoa Nội thất	25NT3	205	125	330	23-11-25
76	Duong Thu	Uyen	09-10-07	2558020304	Khoa Nội thất	25NT3	150	180	330	23-11-25
77	Dinh Ngoc	Diep	13-09-07	2558020070	Khoa Nội thất	25NT4	200	130	330	23-11-25
78	Hoang Nam	Khanh	30-11-07	2558020122	Khoa Nội thất	25NT2	225	110	335	23-11-25
79	Le Thi Thanh	Duyen	05-11-07	2558020072	Khoa Nội thất	25NT2	190	145	335	23-11-25
80	Tran Thi	My	12-08-07	2558020186	Khoa Nội thất	25NT2	180	155	335	23-11-25
81	Nguyễn Minh	Khanh	03-11-07	2558020124	Khoa Nội thất	25NT5	215	120	335	23-11-25
82	Truong Phuong	Vy	02-10-07	2558020325	Khoa Nội thất	25NT7	215	120	335	23-11-25
83	Le Quynh	Anh	22-10-07	2558020343	Khoa Nội thất	25NT8	195	140	335	23-11-25
84	Nguyễn Thi Phuong	Linh	08-01-07	2558020149	Khoa Nội thất	25NT5	175	165	340	23-11-25
85	Nguyễn Thi Van	Anh	17-08-07	2558020028	Khoa Nội thất	25NT5	205	135	340	23-11-25
86	Thach Thi Yen	Vy	28-06-07	2558020324	Khoa Nội thất	25NT5	210	130	340	23-11-25
87	Le Huong	Giang	02-04-07	2558020078	Khoa Nội thất	25NT7	235	105	340	23-11-25
88	Dang Tuong	Nhi	14-12-07	2558020206	Khoa Nội thất	25NT8	215	125	340	23-11-25
89	Nguyễn Minh	Huyen	21-07-06	2558020108	Khoa Nội thất	25NT8	210	130	340	23-11-25
90	Pham Thi Quynh	Trang	26-12-07	2558020288	Khoa Nội thất	25NT7	235	110	345	23-11-25
91	Hoang Khanh	Nhung	16-07-07	2551080105	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	195	125	320	23-11-25
92	Tran	Tien	18-02-06	2552010063	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	155	145	300	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
93	Dao Ngọc Bao	Tram	04-11-07	2551020116	Khoa Quy hoạch	25Q1	180	120	300	23-11-25
94	Nguyen Trung	Hieu	06-01-07	2551020037	Khoa Quy hoạch	25Q1	185	115	300	23-11-25
95	Giang Long	Truong	12-08-07	2551020119	Khoa Quy hoạch	25Q2	220	80	300	23-11-25
96	Nguyen Thi Thanh	Huyen	23-08-07	2551020050	Khoa Quy hoạch	25Q2	170	130	300	23-11-25
97	Lai Tran An	Phu	25-09-07	2556040044	Khoa Quy hoạch	25UD	195	105	300	23-11-25
98	Nguyen Dang	Quang	03-08-07	2552010057	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	220	85	305	23-11-25
99	Pham Ngoc	Mai	18-01-07	2552010038	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	170	135	305	23-11-25
100	Phung Ngoc Quang	Son	15-03-07	2551020101	Khoa Quy hoạch	25Q2	185	120	305	23-11-25
101	Hoang Ha	Vy	27-10-07	2556040053	Khoa Quy hoạch	25UD	195	110	305	23-11-25
102	Tran Thi Thanh	Huyen	29-07-07	2556040018	Khoa Quy hoạch	25UD	160	145	305	23-11-25
103	Nguyen Bao	Ngoc	03-02-07	2552010050	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	205	105	310	23-11-25
104	Do Hai	Dang	19-05-07	2551020030	Khoa Quy hoạch	25Q2	215	95	310	23-11-25
105	Nguyen Le	Ngoc	11-05-07	2552010051	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	180	135	315	23-11-25
106	Pham Nguyen Phu	Trung	22-02-07	2551020118	Khoa Quy hoạch	25Q1	190	125	315	23-11-25
107	Nguyen Van	Minh	10-10-07	2551020075	Khoa Quy hoạch	25Q1	225	90	315	23-11-25
108	Vu Minh	Quan	11-12-07	2551020096	Khoa Quy hoạch	25Q1	170	145	315	23-11-25
109	Tran Ngoc	Anh	18-11-07	2551020012	Khoa Quy hoạch	25Q2	180	135	315	23-11-25
110	Le Minh	Thanh	26-09-07	2551020105	Khoa Quy hoạch	25Q2	195	125	320	23-11-25
111	Truong Thanh	Nam	15-11-07	2552010046	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	170	155	325	23-11-25
112	Tran Quang	Huy	08-01-07	2552010026	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	165	160	325	23-11-25
113	Dau Phuong	Linh	04-11-07	2551020063	Khoa Quy hoạch	25Q1	145	180	325	23-11-25
114	Nguyen The	Vinh	13-11-07	2551020130	Khoa Quy hoạch	25Q1	225	100	325	23-11-25
115	Nguyen Thuy	Quynh	06-03-07	2551020100	Khoa Quy hoạch	25Q1	190	135	325	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TẦNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
116	Dong Duy Hoang	05-02-07	2551020041	Khoa Quy hoạch	25Q1	220	105	325	23-11-25
117	Nguyen Duc Dang	18-10-07	2551020031	Khoa Quy hoạch	25Q1	210	115	325	23-11-25
118	Tran Nguyet Tu	22-11-07	2552010068	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	190	140	330	23-11-25
119	Ta Binh An	14-07-07	2551020003	Khoa Quy hoạch	25Q1	195	135	330	23-11-25
120	Nguyen Thu Huong	23-12-07	2551020053	Khoa Quy hoạch	25Q1	205	125	330	23-11-25
121	Nguyen Duc Manh	28-10-07	2551020073	Khoa Quy hoạch	25Q1	205	125	330	23-11-25
122	Pham Le Phuong Anh	25-02-07	2551020006	Khoa Quy hoạch	25Q2	210	120	330	23-11-25
123	Le Tuan Kiet	14-10-07	2556040024	Khoa Quy hoạch	25UD	185	145	330	23-11-25
124	Ngo Tien Dat	05-09-07	2556040009	Khoa Quy hoạch	25UD	205	125	330	23-11-25
125	Dao Thi Phuong Nga	26-06-07	2556040035	Khoa Quy hoạch	25UD	205	130	335	23-11-25
126	Nguyen Pham Thanh Khanh	22-06-07	2552010028	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	180	160	340	23-11-25
127	Dang Van Khang	21-05-07	2551020054	Khoa Quy hoạch	25Q2	230	110	340	23-11-25
128	Vu Nguyen Duong	25-02-07	2552010012	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	205	140	345	23-11-25
129	Do Le Quyen	16-04-06	2558050039	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	180	150	330	23-11-25
130	Pham Nguyen Gia Hung	27-08-07	2556020112	Khoa Xây dựng	25DA2	150	150	300	23-11-25
131	Nguyen Cong Duong	13-10-07	2556020064	Khoa Xây dựng	25DA4	175	125	300	23-11-25
132	Le Trong Trung	01-10-07	2556020235	Khoa Xây dựng	25DA5	175	125	300	23-11-25
133	Dang Hoang Son	12-06-06	2551090035	Khoa Xây dựng	25VL	135	165	300	23-11-25
134	Nguyen Nhat Phong	02-10-07	2551030168	Khoa Xây dựng	25X3	225	75	300	23-11-25
135	Hoang Gia Phong	23-03-07	2556020192	Khoa Xây dựng	25DA2	195	110	305	23-11-25
136	Trinh Nguyen Dat	08-10-07	2551090007	Khoa Xây dựng	25VL	185	120	305	23-11-25
137	Nguyen Duy Hung	04-12-07	2551030098	Khoa Xây dựng	25X+	170	135	305	23-11-25
138	Nguyen Minh Triet	03-01-07	2551030208	Khoa Xây dựng	25X+	200	105	305	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TẦNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
139	Phạm Duy	Hung	13-06-07	2551030102	Khoa Xây dựng	25X+	130	175	305	23-11-25
140	Ta Minh	Quang	11-07-07	2551030175	Khoa Xây dựng	25X2	150	155	305	23-11-25
141	Phạm My	Huyen	11-02-07	2551030096	Khoa Xây dựng	25X2	185	120	305	23-11-25
142	Nguyễn Thu	Ha	16-09-07	2556020082	Khoa Xây dựng	25DA2	185	125	310	23-11-25
143	Dang Huong	Giang	09-03-07	2556020078	Khoa Xây dựng	25DA3	200	110	310	23-11-25
144	Phạm Đình	Nam	26-01-07	2556020173	Khoa Xây dựng	25DA3	190	120	310	23-11-25
145	Nguyễn Lam Nhật	Minh	12-04-07	2556020163	Khoa Xây dựng	25DA3	195	115	310	23-11-25
146	Nguyễn Đình Nhật	Minh	08-02-07	2551030147	Khoa Xây dựng	25X+	190	120	310	23-11-25
147	Nguyễn Lê Hai	Dang	04-08-07	2551030047	Khoa Xây dựng	25X1	215	95	310	23-11-25
148	Nguyễn An	Na	06-10-07	2556020171	Khoa Xây dựng	25DA1	160	155	315	23-11-25
149	Đo Thị Phương	Anh	23-08-07	2556020008	Khoa Xây dựng	25DA3	170	145	315	23-11-25
150	Lê Quang	Minh	01-01-07	2556020160	Khoa Xây dựng	25DA5	170	145	315	23-11-25
151	Đoan Hai	Long	26-12-07	2551090021	Khoa Xây dựng	25VL	135	180	315	23-11-25
152	Phạm Xuân	Vinh	19-02-07	2551090047	Khoa Xây dựng	25VL	210	105	315	23-11-25
153	Đào Minh	Duc	12-12-07	2551030053	Khoa Xây dựng	25X1	165	150	315	23-11-25
154	Ngô Hồng	Quyen	03-10-07	2551030180	Khoa Xây dựng	25X1	190	125	315	23-11-25
155	Nguyễn Trung	Phong	08-07-07	2551030169	Khoa Xây dựng	25X2	185	130	315	23-11-25
156	Phùng Gia	Khanh	19-09-07	2551070028	Khoa Xây dựng	25XN	200	115	315	23-11-25
157	Vương Ngọc	Phat	29-06-07	2556020191	Khoa Xây dựng	25DA1	210	110	320	23-11-25
158	Đường Ngọc	Anh	23-08-07	2556020036	Khoa Xây dựng	25DA1	175	145	320	23-11-25
159	Trần Tiên	Dat	28-03-07	2556020068	Khoa Xây dựng	25DA3	175	145	320	23-11-25
160	Ngô Thị Trà	My	01-08-07	2556020169	Khoa Xây dựng	25DA4	195	125	320	23-11-25
161	Nguyễn Thị Lan	Anh	08-10-07	2556020025	Khoa Xây dựng	25DA5	205	115	320	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
162	Le Viet	Ha	19-08-07	2556020081	Khoa Xây dựng	25DA1	180	145	325	23-11-25
163	Nguyen Thi Khanh	Huyen	06-08-07	2556020107	Khoa Xây dựng	25DA2	140	185	325	23-11-25
164	Nguyen Tien	Dat	29-03-07	2551030041	Khoa Xây dựng	25X+	185	140	325	23-11-25
165	Nguyen Tien	Minh	11-11-07	2556020166	Khoa Xây dựng	25DA1	165	165	330	23-11-25
166	Ha The	Vinh	15-03-07	2556020251	Khoa Xây dựng	25DA1	170	160	330	23-11-25
167	Pham Ngoc	Khanh	02-09-07	2556020118	Khoa Xây dựng	25DA3	175	155	330	23-11-25
168	Nguyen Son	Bach	15-10-07	2556020039	Khoa Xây dựng	25DA4	180	150	330	23-11-25
169	Tran Nhat	Tan	12-12-07	2556020209	Khoa Xây dựng	25DA4	190	140	330	23-11-25
170	Vu Kim Nhat	Minh	18-10-07	2551030155	Khoa Xây dựng	25X+	200	130	330	23-11-25
171	Tong Trung	Hieu	04-03-07	2551030074	Khoa Xây dựng	25X3	175	155	330	23-11-25
172	Le Huu	Hoang	06-11-07	2551030077	Khoa Xây dựng	25X3	235	95	330	23-11-25
173	Duong Hong	Phuc	01-09-07	2551070043	Khoa Xây dựng	25XN	250	85	335	23-11-25
174	Nguyen Tai Bao	Yen	09-03-07	2556020260	Khoa Xây dựng	25DA5	180	160	340	23-11-25
175	Phan Thi Thuy	Trang	13-03-07	2551030207	Khoa Xây dựng	25X2	205	135	340	23-11-25
176	Nguyen Minh	Phuc	07-09-07	2551030170	Khoa Xây dựng	25X3	175	165	340	23-11-25
177	Nguyen Thi Khanh	Linh	20-03-07	2556020142	Khoa Xây dựng	25DA2	105	240	345	23-11-25
178	Bui Kim Hoang	Huy	19-03-07	2556020099	Khoa Xây dựng	25DA4	215	130	345	23-11-25
179	Nguyen Thi	Hoa	20-08-07	2556020094	Khoa Xây dựng	25DA4	220	125	345	23-11-25
180	Nguyen Van	Anh	17-10-07	2551030009	Khoa Xây dựng	25X1	105	240	345	23-11-25
181	Vu Phuong	Anh	10-09-07	2551070005	Khoa Xây dựng	25XN	195	150	345	23-11-25

(Danh sách gồm 181 sinh viên)

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
1	Nguyen Thi Uyen	Nhi	01-01-06	2555020064	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	140	210	350	26-10-25
2	Vu Quoc	An	04-05-07	2555010001	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	195	155	350	26-10-25
3	Nham Anh	Hieu	14-09-07	2555010069	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	195	155	350	26-10-25
4	Nguyen Chu Viet	Hoa	07-09-07	2555010072	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	225	125	350	26-10-25
5	Nguyen Thi Lan	Anh	07-10-07	2555020007	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	165	190	355	26-10-25
6	Pham Ngoc Dieu	Linh	26-05-07	2555020053	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	175	180	355	26-10-25
7	Vu Hoang	Thai	07-02-07	2555020081	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	205	150	355	26-10-25
8	Nguyen Ngoc	Minh	10-03-07	2555010129	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	210	145	355	26-10-25
9	Chu Sy	Phi	28-08-07	2555010149	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	215	140	355	26-10-25
10	Duong Trung	Hieu	06-08-07	2555010067	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	230	125	355	26-10-25
11	Tran Tuan	Dat	04-05-07	2555030016	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	195	160	355	26-10-25
12	Doan Thu	Thuy	11-11-07	2555020085	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	195	165	360	26-10-25
13	Phung Hieu	Anh	12-03-07	2555010017	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	220	140	360	26-10-25
14	Quan Thi Phuong	Mai	05-10-06	2555020055	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	175	190	365	26-10-25
15	Tran Linh	Ngan	15-10-07	2555020060	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	230	135	365	26-10-25
16	Pham Cong	Toan	04-12-07	2555010187	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	160	205	365	26-10-25
17	Nguyen Dinh	Duy	07-08-07	2555020017	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	220	150	370	26-10-25
18	Nguyen Hai	Dang	17-02-07	2555020024	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	245	125	370	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
						Listening	Reading	Total	
19	Tran Manh Duc	23-05-07	2555010058	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	215	155	370	26-10-25
20	Tran Song Thu	12-07-07	2555020089	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	195	180	375	26-10-25
21	Pham Thi Thuy Duong	01-09-07	2555020022	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	225	150	375	26-10-25
22	Dang Dang Khoa	12-06-07	2555020042	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	220	155	375	26-10-25
23	Nguyen Duc Thinh	11-09-07	2555010181	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	205	170	375	26-10-25
24	Cao Ngoc Phuong Anh	15-11-07	2555030001	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	205	170	375	26-10-25
25	Ngo Anh Tu	23-03-07	2555010191	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	225	155	380	26-10-25
26	Bui Thanh Dat	08-10-07	2555030013	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	245	135	380	26-10-25
27	Nguyen Phuc Tam	06-02-07	2555020079	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	235	150	385	26-10-25
28	Ngo Dang Quang	18-07-07	2555020074	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	230	155	385	26-10-25
29	Nguyen Duc Thang	10-10-07	2555010177	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	195	190	385	26-10-25
30	Nguyen Hong Hiep	07-07-07	2555010066	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	230	155	385	26-10-25
31	Bac Hanh Linh	29-11-07	2555010102	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	230	155	385	26-10-25
32	Pham Thanh Duy	30-06-07	2555010044	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	225	160	385	26-10-25
33	Nguyen Dinh Tuan	11-03-07	2555020099	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	255	135	390	26-10-25
34	Pham Trung Hieu	17-03-07	2555010070	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	250	140	390	26-10-25
35	Truong Chuc Linh	23-12-07	2555010105	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	230	165	395	26-10-25
36	Vu Trong Quyet	25-07-07	2555010163	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	100	295	395	26-10-25



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
37	Le Tuan	Anh	23-09-07	2555030003	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	190	205	395	26-10-25
38	Dang Ha	My	16-04-07	2555020057	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	220	180	400	26-10-25
39	Nguyen Ba	Minh	23-10-07	2555010119	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	275	125	400	26-10-25
40	Le Viet	Thang	03-02-07	2555010176	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	195	205	400	26-10-25
41	Phan Van	Hoan	12-12-06	2555030023	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	230	170	400	26-10-25
42	Nguyen Viet	Hieu	13-11-07	2555010068	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	270	135	405	26-10-25
43	Le Thi	Phuong	15-04-07	2555010154	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	135	275	410	26-10-25
44	Le Quang	Dat	30-04-07	2555030014	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	175	235	410	26-10-25
45	Pham Trung	Hai	15-08-07	2555010063	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	230	185	415	26-10-25
46	Do Khanh	Linh	12-11-07	2555020046	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	250	170	420	26-10-25
47	Nguyen Phuong Viet	Anh	21-02-07	2555010013	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	270	150	420	26-10-25
48	Nguyen Thanh	Tra	16-12-07	2555010188	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	250	170	420	26-10-25
49	Nguyen Truong	Son	29-10-07	2555030042	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	230	190	420	26-10-25
50	Le Van	Tai	30-12-06	2555030043	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	165	255	420	26-10-25
51	Nguyen Yen	Nhi	17-10-07	2555020065	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	225	200	425	26-10-25
52	Nguyen Mau	Nam	04-10-07	2555010132	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	245	180	425	26-10-25
53	Nguyen Cao	Phat	16-06-07	2555030039	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	210	215	425	26-10-25
54	Nguyen Thi Bao	Linh	05-01-07	2555020049	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	215	215	430	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
						Listening	Reading	Total	
55	Phung Nguyen Kim Chi	20-02-07	2555020012	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	265	165	430	26-10-25
56	Đo Minh Quan	25-03-07	2555010158	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	245	185	430	26-10-25
57	Nguyen Phan Anh	12-10-07	2555010012	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	265	170	435	26-10-25
58	Pham Viet Phu	24-10-07	2555010152	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	300	135	435	26-10-25
59	Le Thi Thuy	05-12-07	2555030046	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	245	190	435	26-10-25
60	Nguyen Tri Dung	27-03-07	2555010041	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	270	170	440	26-10-25
61	Le Quoc Anh	07-08-07	2555010008	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	190	250	440	26-10-25
62	Pham Thanh Nam	09-04-07	2555010133	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	245	200	445	26-10-25
63	Tran Nhat Long	25-08-07	2555010108	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	225	220	445	26-10-25
64	Nguyen Chau Linh	19-11-07	2551040024	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	225	125	350	26-10-25
65	Nguyen Thi Thuy Hang	08-08-07	2551050028	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	210	150	360	26-10-25
66	Mac Tran An Phu	11-07-07	2551060023	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25M	240	120	360	26-10-25
67	Nguyen Quang Minh	12-11-07	2551050056	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	240	125	365	26-10-25
68	Phan Duy Kien	03-10-07	2551060016	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25M	230	145	375	26-10-25
69	Nguyen Duc Anh	30-11-07	2551040005	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	245	130	375	26-10-25
70	Luu Anh Tu	24-05-07	2554010040	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	225	155	380	26-10-25
71	Nguy Phu Khanh	27-07-07	2551060015	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25M	205	180	385	26-10-25
72	Vu Bao Nhi	22-09-07	2551040034	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	265	120	385	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
73	Doan Hai	Nguyen	08-10-07	2556010034	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	220	170	390	26-10-25
74	Nguyen Quang	Huy	01-10-07	2551050039	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	230	165	395	26-10-25
75	Tran Ba Nhat	Quang	07-11-07	2556010039	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	205	190	395	26-10-25
76	Nguyen Minh	Hieu	14-10-07	2551050032	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	245	160	405	26-10-25
77	Nguyen Thai Tuong	Nguyen	11-12-07	2551060037	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25M	255	150	405	26-10-25
78	Bui Duc	Dung	29-11-07	2551050015	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	245	165	410	26-10-25
79	Nguyen Le Hoang	Bach	29-07-07	2556010002	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	265	150	415	26-10-25
80	Dao Quang	Dung	05-06-07	2556010008	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	260	155	415	26-10-25
81	Dinh Phu Thanh	Dat	20-11-07	2551050023	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	220	200	420	26-10-25
82	Ly Hoang Dieu	Quyen	13-02-07	2551050067	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	215	215	430	26-10-25
83	Nguyen Thai Hong	Phuc	24-10-07	2551040036	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	250	185	435	26-10-25
84	Phung Duc	Anh	18-09-07	2553040002	Khoa Quản lý đô thị	25DE	220	130	350	26-10-25
85	Nguyen Dieu	Linh	10-12-07	2553020023	Khoa Quản lý đô thị	25IE	160	190	350	26-10-25
86	Phung Nhat	Duy	01-06-07	2553010040	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	210	140	350	26-10-25
87	Pham Binh	Tho	20-11-07	2553010145	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	205	145	350	26-10-25
88	Nguyen Thi	Anh	03-10-07	2553010020	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	210	140	350	26-10-25
89	Dinh Gia	Dung	17-10-07	2556030014	Khoa Quản lý đô thị	25RM	205	145	350	26-10-25
90	Luu Gia	Linh	21-12-07	2556030037	Khoa Quản lý đô thị	25RM	220	130	350	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
91	Hà Hương	Giang	06-07-07	2553010056	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	165	190	355	26-10-25
92	Hoang Nguyen Thu	Phuong	01-11-07	2551080112	Khoa Quản lý đô thị	25QL1	215	140	355	26-10-25
93	Nguyen Duy	Thuc	01-12-07	2551080130	Khoa Quản lý đô thị	25QL1	165	190	355	26-10-25
94	Tran Nguyen Quynh	Chi	17-07-07	2551080017	Khoa Quản lý đô thị	25Q12	215	140	355	26-10-25
95	Nguyen Anh	Duong	17-09-07	2551080027	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	245	110	355	26-10-25
96	Nguyen Thi Thu	Thuy	24-04-07	2553030055	Khoa Quản lý đô thị	25TL	165	190	355	26-10-25
97	Nguyen Tuan	Anh	26-04-07	2553010011	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	220	140	360	26-10-25
98	Le Ngoc	Linh	04-11-07	2553010089	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	210	150	360	26-10-25
99	Trinh Dinh	Tung	11-06-07	2551080153	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	235	125	360	26-10-25
100	Pham Ha	Vy	21-04-07	2553030060	Khoa Quản lý đô thị	25TL	215	145	360	26-10-25
101	Nguyen Quynh	Nga	13-10-07	2553040025	Khoa Quản lý đô thị	25DE	210	155	365	26-10-25
102	Nguyen Khanh	Phuong	04-05-07	2553010121	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	225	140	365	26-10-25
103	Nguyen Phuong	Thao	26-07-07	2553010140	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	195	170	365	26-10-25
104	Tran Viet	Tiep	17-12-07	2551080133	Khoa Quản lý đô thị	25QL1	235	130	365	26-10-25
105	Nguyen Thi Ngoc	Diep	02-04-07	2551080018	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	215	150	365	26-10-25
106	Chu Thanh	Hien	18-12-07	2553010061	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	170	200	370	26-10-25
107	Phan Nhat	Minh	02-06-07	2553010109	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	215	155	370	26-10-25
108	Luu Thu	Thao	18-06-07	2553010139	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	170	200	370	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
109	Luong Gia	Huy	09-12-07	2551080064	Khoa Quản lý đô thị	25QL1	215	155	370	26-10-25
110	Loc Thi Thuy	Linh	01-02-07	2553010088	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	160	215	375	26-10-25
111	Pham Thi Thu	Huyen	12-05-07	2553010071	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	185	190	375	26-10-25
112	Pham Thanh	Mai	07-10-07	2551080092	Khoa Quản lý đô thị	25QL2	225	150	375	26-10-25
113	Hoang Hai	Yen	22-11-07	2553020050	Khoa Quản lý đô thị	25IE	160	220	380	26-10-25
114	Luu Hoang	Anh	14-06-07	2553010008	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	255	125	380	26-10-25
115	Trinh Thi Thu	Ha	15-03-07	2553030023	Khoa Quản lý đô thị	25TL	180	205	385	26-10-25
116	Phan Dinh	Quyen	16-09-07	2553020036	Khoa Quản lý đô thị	25IE	215	175	390	26-10-25
117	Dang Tan	Minh	13-04-07	2553010103	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	215	175	390	26-10-25
118	Nguyen Ngoc	Chi	13-11-07	2553030010	Khoa Quản lý đô thị	25TL	215	175	390	26-10-25
119	Do Hai	Yen	06-07-07	2553030061	Khoa Quản lý đô thị	25TL	255	135	390	26-10-25
120	Bui Thi Thao	Ngoc	09-10-07	2553020030	Khoa Quản lý đô thị	25IE	225	170	395	26-10-25
121	Nguyen Thi Phuong	An	03-08-07	2553010001	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	250	145	395	26-10-25
122	Nguyen Ngoc	Bach	03-07-07	2553010023	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	210	185	395	26-10-25
123	Bui Minh	Quang	13-05-07	2551080114	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	225	170	395	26-10-25
124	Chu Ba	Duong	07-11-07	2556030018	Khoa Quản lý đô thị	25RM	180	215	395	26-10-25
125	Nguyen Thi	Thanh	04-04-07	2553030053	Khoa Quản lý đô thị	25TL	165	230	395	26-10-25
126	Huynh Pham Anh	Thu	05-07-07	2553030056	Khoa Quản lý đô thị	25TL	225	170	395	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
						Listening	Reading	Total	
127	Nguyễn Thị Giang	31-08-07	2553040013	Khoa Quản lý đô thị	25DE	230	170	400	26-10-25
128	Bùi Hoàng An	28-03-07	2553040001	Khoa Quản lý đô thị	25DE	225	180	405	26-10-25
129	Trần Gia Bình	02-03-07	2553010026	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	255	150	405	26-10-25
130	Nguyễn Hà Quỳnh Chi	12-11-07	2553010029	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	215	190	405	26-10-25
131	Phạm Thị Anh Hoan	11-08-07	2553010063	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	195	210	405	26-10-25
132	Chu Đức Trung	22-11-07	2553010174	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	235	170	405	26-10-25
133	Hoàng Phương Thảo	30-04-07	2551080125	Khoa Quản lý đô thị	25Q12	220	185	405	26-10-25
134	Nguyễn Cao Bảo Khang	05-07-07	2551080069	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	225	180	405	26-10-25
135	Trần Thị Hồng Vân	27-07-07	2553040051	Khoa Quản lý đô thị	25DE	230	180	410	26-10-25
136	Nguyễn Thị Thanh Nga	17-04-07	2553010112	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	220	190	410	26-10-25
137	Ngô Phương Quỳnh	07-10-07	2553010130	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	235	175	410	26-10-25
138	Thần Quang Đức	21-09-07	2553010053	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	235	175	410	26-10-25
139	Phùng Quang Dũng	14-06-07	2551080023	Khoa Quản lý đô thị	25Q12	195	215	410	26-10-25
140	Le Đình Lộc	04-10-07	2553030038	Khoa Quản lý đô thị	25TL	145	265	410	26-10-25
141	Phạm Thụy Duong	29-10-07	2551080029	Khoa Quản lý đô thị	25Q12	190	225	415	26-10-25
142	Phạm Thụy Duong	27-03-07	2553030018	Khoa Quản lý đô thị	25TL	205	210	415	26-10-25
143	Trần Thị Khanh Linh	13-01-07	2553010092	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	250	170	420	26-10-25
144	Đo Khánh Huyền	25-06-07	2553020017	Khoa Quản lý đô thị	25IE	245	180	425	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
145	Nguyễn Thuy	Phuong	26-11-07	2553020033	Khoa Quản lý đô thị	25IE	215	210	425	26-10-25
146	Nguyễn Van	Tien	04-01-07	2551080132	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	245	180	425	26-10-25
147	Bui Tuong	Thu	06-07-07	2553010153	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	240	190	430	26-10-25
148	Vu Ha	Linh	06-08-07	2551080083	Khoa Quản lý đô thị	25QL2	215	220	435	26-10-25
149	Mai Thi	Ngan	23-08-07	2551080099	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	250	190	440	26-10-25
150	Nguyễn Sinh	Hung	07-11-07	2553010067	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	230	215	445	26-10-25
151	Vu Nhu	Quynh	01-08-07	2553010132	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	225	220	445	26-10-25
152	Tran Xuan	Dat	04-04-07	2551080033	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	255	190	445	26-10-25
153	Tran Tra	My	14-04-07	2553030042	Khoa Quản lý đô thị	25TL	205	240	445	26-10-25
154	Le Minh	Ngoc	22-07-07	2558010112	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	180	170	350	26-10-25
155	Tran Minh	Trang	12-11-07	2558010154	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	215	135	350	26-10-25
156	Pham Thi Mai	Anh	16-05-07	2558010016	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	190	160	350	26-10-25
157	Pham Minh	Trang	23-12-07	2558010153	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	225	125	350	26-10-25
158	Tran Phuong	Uyen	17-07-07	2558010162	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	170	180	350	26-10-25
159	Phung Dieu	Linh	09-06-07	2558050026	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	175	175	350	26-10-25
160	Nguyễn Thanh	Tam	12-02-07	2558040073	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	225	125	350	26-10-25
161	Luong Minh Ngoc	Thao	04-07-07	2558010141	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	205	150	355	26-10-25
162	Giang Phuong	Hoa	15-11-07	2558010055	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	230	125	355	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
163	Tran Anh	Nhat	31-10-07	2558030016	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DK	215	140	355	26-10-25
164	Lai Huyen	My	10-05-07	2558050029	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	190	165	355	26-10-25
165	Bui Thi Phuong	Anh	13-03-07	2558010004	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	135	225	360	26-10-25
166	Nguyen Le Duy	Hung	14-05-06	2558010063	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	210	150	360	26-10-25
167	Tran Thi Thu	Thuy	21-01-07	2558040077	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	205	155	360	26-10-25
168	Do Thi Quynh	Trang	11-12-07	2558040079	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	190	170	360	26-10-25
169	Tran Nhu Hoang	Anh	22-10-07	2558010019	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	200	165	365	26-10-25
170	Trinh The	Minh	11-03-07	2558010100	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	220	145	365	26-10-25
171	Tran Ngoc Mai	Trang	07-08-07	2558010155	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	220	145	365	26-10-25
172	Le Quynh	Anh	15-12-07	2558040004	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	185	180	365	26-10-25
173	Cap Trong	Duy	22-12-07	2558040018	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	240	125	365	26-10-25
174	Ly Phuong	Trang	05-09-07	2558040080	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	175	190	365	26-10-25
175	Cao Thuy	Anh	03-03-07	2558010006	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	210	160	370	26-10-25
176	Dao Mai	Huong	21-02-07	2558030006	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DK	210	160	370	26-10-25
177	Bui Hai	Vy	29-10-07	2558010170	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	205	170	375	26-10-25
178	Dang Lan	Nhi	26-12-07	2558010120	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	185	190	375	26-10-25
179	Hoang Hai	Yen	07-08-07	2558010174	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	210	165	375	26-10-25
180	Nguyen Thi	Ha	19-12-07	2558030004	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DK	180	195	375	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
181	Đo Thị Bình	An	04-08-07	2558010001	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	200	180	380	26-10-25
182	Ho Nam	Thanh	02-10-07	2558010136	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	220	160	380	26-10-25
183	Khuong Thi Phuong	Linh	22-12-07	2558010077	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	240	140	380	26-10-25
184	Nguyen Phuong	Linh	24-04-07	2558030010	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DK	225	155	380	26-10-25
185	Nguyen Thi Diep	Chi	28-08-07	2558050011	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	215	165	380	26-10-25
186	Nguyen Thi Ha	Van	28-03-07	2558010166	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	175	210	385	26-10-25
187	Duong Huyen Ha	My	21-09-07	2558010101	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	215	170	385	26-10-25
188	Quang Thi Bich	Van	23-11-07	2558010167	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	230	155	385	26-10-25
189	Tran Ngoc	Bao	16-12-07	2558010024	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	205	180	385	26-10-25
190	Chu Thuy	Hang	03-01-07	2558050015	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	190	195	385	26-10-25
191	Nguyen Hong	Tham	26-12-07	2558060021	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25MDT	245	145	390	26-10-25
192	Duong Huong	Giang	03-01-06	2558010043	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	190	210	400	26-10-25
193	Pham Khanh	Ly	29-08-07	2558010089	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	210	190	400	26-10-25
194	Nguyen Thi Cam	Nhung	26-06-07	2558050035	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	220	180	400	26-10-25
195	Ngo Trang	Nhung	02-12-07	2558040068	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	245	155	400	26-10-25
196	Chu Quynh	Chi	07-10-07	2558010030	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	255	150	405	26-10-25
197	Nguyen Thi Quynh	Nhi	11-08-07	2558010123	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	235	170	405	26-10-25
198	Le Thu	Ngan	03-01-07	2558040059	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	235	170	405	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
199	Dinh Hoang	Mai	16-11-07	2558010091	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	270	140	410	26-10-25
200	Tu Phuong	Uyen	22-04-07	2558010161	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	235	180	415	26-10-25
201	Le Kim	Ngan	12-10-07	2558010107	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	230	190	420	26-10-25
202	Ta Luu Thuy	Huong	20-08-07	2558040032	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	230	190	420	26-10-25
203	Truong Thi Thu	Ngan	25-10-07	2558010109	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	235	190	425	26-10-25
204	Cao Van	Dat	01-01-07	2558010041	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	260	165	425	26-10-25
205	Nguyen Thi	Quynh	08-02-06	2558030021	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DK	220	210	430	26-10-25
206	Tran Hai	Yen	04-03-07	2558060024	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25MDT	190	240	430	26-10-25
207	Nguyen Thanh	Ha	19-12-06	2558040021	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	265	165	430	26-10-25
208	Nguyen Hong	Hao	02-12-07	2558040022	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	180	250	430	26-10-25
209	Nguyen Quynh	Anh	03-10-07	2558010011	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	205	235	440	26-10-25

(Danh sách gồm 209 sinh viên)

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
1	Dang Hieu	Phuong	06-06-07	2555030041	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	210	145	355	23-11-25
2	Ngo Le Quynh	Anh	11-12-07	2551010018	Khoa Kiến trúc	25K4	210	140	350	23-11-25
3	Kieu Thao	Ngan	17-09-07	2551010266	Khoa Kiến trúc	25K5	225	125	350	23-11-25
4	Nguyen Thi Huong	Xuan	15-02-07	2551010418	Khoa Kiến trúc	25K1	220	135	355	23-11-25
5	Nguyen Hung	Lan	18-03-07	2551010208	Khoa Kiến trúc	25K2	220	135	355	23-11-25
6	Trinh Viet	Hai	28-12-07	2551010131	Khoa Kiến trúc	25K4	230	125	355	23-11-25
7	Do Thi	Thu	04-09-07	2551010361	Khoa Kiến trúc	25K5	195	160	355	23-11-25
8	Le Duy	Manh	04-01-07	2551010237	Khoa Kiến trúc	25K1	215	150	365	23-11-25
9	Le Huy	Hoang	21-10-07	2551010146	Khoa Kiến trúc	25K2	250	115	365	23-11-25
10	Nguyen Quoc	Huy	31-07-07	2551010161	Khoa Kiến trúc	25K2	215	150	365	23-11-25
11	Le Hoang	Bach	02-10-07	2551010051	Khoa Kiến trúc	25K3	185	180	365	23-11-25
12	Vuong Nhat	Nam	30-08-07	2551010262	Khoa Kiến trúc	25K1	240	130	370	23-11-25
13	Nguyen Thanh	Tra	12-12-07	2551010370	Khoa Kiến trúc	25K5	245	125	370	23-11-25
14	Vuong Tue	Linh	04-10-07	2551010219	Khoa Kiến trúc	25K+	255	120	375	23-11-25
15	Nguyen Viet	Toan	31-10-07	2551010369	Khoa Kiến trúc	25K2	215	160	375	23-11-25
16	Nguyen Tien	Dat	30-06-05	2551010104	Khoa Kiến trúc	25K3	255	120	375	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
17	Nguyen Trieu	Hoang	02-05-07	2551010148	Khoa Kiến trúc	25K3	245	130	375	23-11-25
18	Ho Duc	Minh	12-01-07	2551010242	Khoa Kiến trúc	25K4	230	145	375	23-11-25
19	Hoang Khac	Kien	24-12-07	2551010198	Khoa Kiến trúc	25K4	230	145	375	23-11-25
20	Le Quang	Minh	12-12-07	2551010244	Khoa Kiến trúc	25K+	230	150	380	23-11-25
21	Ngo Quang	Truong	22-03-07	2551010388	Khoa Kiến trúc	25K1	230	150	380	23-11-25
22	Le Xuan	Minh	18-02-07	2551010246	Khoa Kiến trúc	25K4	245	135	380	23-11-25
23	Pham Hai	Van	09-01-07	2551010406	Khoa Kiến trúc	25K4	230	150	380	23-11-25
24	Do Quang	Nam	25-10-07	2551010255	Khoa Kiến trúc	25K6	255	125	380	23-11-25
25	Nguyen Nhu	Linh	12-06-07	2551010214	Khoa Kiến trúc	25K2	230	155	385	23-11-25
26	Tran Khanh	Thanh	01-10-07	2551010341	Khoa Kiến trúc	25K4	280	105	385	23-11-25
27	Phan Duc	Huy	15-10-07	2551010162	Khoa Kiến trúc	25K5	235	150	385	23-11-25
28	Doan Minh	Quan	10-09-07	2551010314	Khoa Kiến trúc	25K5	245	140	385	23-11-25
29	Tran	Hoang	07-07-07	2551010150	Khoa Kiến trúc	25K5	230	155	385	23-11-25
30	Dinh Van	Truong	07-03-07	2551010387	Khoa Kiến trúc	25K1	230	160	390	23-11-25
31	Nguyen Ngoc Minh	Chau	16-11-07	2551010061	Khoa Kiến trúc	25K4	230	160	390	23-11-25
32	Nguyen Thi Ha	Phuong	17-01-07	2551010309	Khoa Kiến trúc	25K6	210	185	395	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
33	Le Minh Khoi	10-04-07	2551010195	Khoa Kiến trúc	25K2	270	135	405	23-11-25
34	Do Cong Minh	15-10-07	2551010241	Khoa Kiến trúc	25K3	240	165	405	23-11-25
35	Dao Duc Thinh	01-03-07	2551010354	Khoa Kiến trúc	25K4	285	125	410	23-11-25
36	Pham Thi Thanh Dung	14-12-07	2551010078	Khoa Kiến trúc	25K6	225	185	410	23-11-25
37	Than Thi Dung	07-01-07	2551010079	Khoa Kiến trúc	25K3	230	185	415	23-11-25
38	Nguyen Quang Truong	29-07-07	2551010389	Khoa Kiến trúc	25K5	245	170	415	23-11-25
39	Nguyen Thanh Hai	02-01-07	2551010129	Khoa Kiến trúc	25K+	255	165	420	23-11-25
40	Nguyen Nhat Anh	15-08-07	2551010027	Khoa Kiến trúc	25K4	205	215	420	23-11-25
41	Vuong Hoang An	21-11-07	2551010008	Khoa Kiến trúc	25K5	270	150	420	23-11-25
42	To Ngoc Le	08-10-07	2551010209	Khoa Kiến trúc	25K6	220	200	420	23-11-25
43	Nguyen Duc Hung	15-01-07	2551010171	Khoa Kiến trúc	25K+	160	265	425	23-11-25
44	Hoang Khanh Linh	06-08-07	2551010211	Khoa Kiến trúc	25K+	280	145	425	23-11-25
45	Nguyen Thi Thu Hien	06-09-07	2551010135	Khoa Kiến trúc	25K2	240	185	425	23-11-25
46	Ho Quy Ngoc	19-07-07	2551010272	Khoa Kiến trúc	25K4	240	185	425	23-11-25
47	Nguyen Thanh Luan	27-01-07	2551010229	Khoa Kiến trúc	25K4	270	160	430	23-11-25
48	Phan Thu Minh Nga	10-01-07	2551010264	Khoa Kiến trúc	25K4	240	190	430	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
49	Tran Thanh	Dat	25-06-07	2551010108	Khoa Kiến trúc	25K6	295	135	430	23-11-25
50	Pham Hoang	Anh	16-09-07	2551010035	Khoa Kiến trúc	25K+	235	205	440	23-11-25
51	Vu Xuan	Huy	08-08-07	2551010166	Khoa Kiến trúc	25K+	300	140	440	23-11-25
52	Le Hong Phuoc	Sang	27-01-07	2551010326	Khoa Kiến trúc	25K4	245	200	445	23-11-25
53	Dang Long	Vu	04-02-07	2551010412	Khoa Kiến trúc	25K6	245	200	445	23-11-25
54	Bui Hoang	Toan	20-03-07	2558020276	Khoa Nội thất	25NT3	185	165	350	23-11-25
55	Mai Anh	Thu	24-04-06	2558020267	Khoa Nội thất	25NT5	230	120	350	23-11-25
56	Dang Chau	Anh	07-11-07	2558020012	Khoa Nội thất	25NT7	225	125	350	23-11-25
57	Tran Thi Diem	Le	02-02-06	2558020133	Khoa Nội thất	25NT7	220	130	350	23-11-25
58	Nguyen Le Viet	Anh	16-11-07	2558020020	Khoa Nội thất	25NT1	195	160	355	23-11-25
59	Tran Thi Thu	Trang	01-12-07	2558020289	Khoa Nội thất	25NT1	180	175	355	23-11-25
60	Nguyen Thi Thanh	Binh	06-01-07	2558020055	Khoa Nội thất	25NT2	195	160	355	23-11-25
61	Duong Kieu	Anh	30-12-07	2558020008	Khoa Nội thất	25NT7	210	145	355	23-11-25
62	Vuong Thi Thao	Ninh	17-01-07	2558020216	Khoa Nội thất	25NT8	165	190	355	23-11-25
63	Lo Tung	Bach	18-08-06	2558020050	Khoa Nội thất	25NT6	240	120	360	23-11-25
64	Pham Ha	My	18-01-07	2558020184	Khoa Nội thất	25NT7	225	135	360	23-11-25

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1 *den*

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
65	Tran Tram	Anh	27-03-07	2558020039	Khoa Nội thất	25NT8	220	140	360	23-11-25
66	Dao Linh	Anh	13-08-07	2558020010	Khoa Nội thất	25NT2	195	175	370	23-11-25
67	Doan Thu	Uyen	16-08-07	2558020305	Khoa Nội thất	25NT3	235	135	370	23-11-25
68	Ngo Duc	Tri	20-08-07	2558020296	Khoa Nội thất	25NT7	195	175	370	23-11-25
69	Nguyen Mai Thu	Trang	03-06-07	2558020283	Khoa Nội thất	25NT8	215	155	370	23-11-25
70	Luong Thi	Van	19-09-07	2558020310	Khoa Nội thất	25NT4	190	185	375	23-11-25
71	Duong Thao	My	19-01-07	2558020179	Khoa Nội thất	25NT5	245	130	375	23-11-25
72	Pham Nguyen Ha	Anh	10-03-07	2558020033	Khoa Nội thất	25NT7	265	110	375	23-11-25
73	Do Thi Ha	Phuong	02-01-07	2558020221	Khoa Nội thất	25NT8	215	160	375	23-11-25
74	Nguyen Thanh	Trung	03-10-07	2558020297	Khoa Nội thất	25NT2	215	170	385	23-11-25
75	Nguyen Thi Mai	Trang	26-08-07	2558020286	Khoa Nội thất	25NT8	215	170	385	23-11-25
76	Trinh Viet	Anh	29-09-07	2558020041	Khoa Nội thất	25NT1	225	165	390	23-11-25
77	Cao Phuong	Anh	01-03-07	2558020007	Khoa Nội thất	25NT2	240	150	390	23-11-25
78	Le Thi Khanh	Chi	28-11-06	2558020061	Khoa Nội thất	25NT3	240	150	390	23-11-25
79	Bui Mai	Vi	11-08-07	2558020314	Khoa Nội thất	25NT2	240	155	395	23-11-25
80	Nguyen Tuong	Vi	22-10-07	2558020315	Khoa Nội thất	25NT5	210	185	395	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
81	Bui Lam	Vi	25-05-07	2558020313	Khoa Nội thất	25NT5	225	170	395	23-11-25
82	Dinh Nhat	Minh	25-11-07	2558020175	Khoa Nội thất	25NT6	230	165	395	23-11-25
83	Pham Ngoc Bao	Binh	01-10-07	2558020056	Khoa Nội thất	25NT7	205	190	395	23-11-25
84	Bui Anh	Duong	28-10-07	2558020341	Khoa Nội thất	25NT1	255	145	400	23-11-25
85	Nguyen Ngoc Bao	Linh	26-03-07	2558020146	Khoa Nội thất	25NT6	240	160	400	23-11-25
86	Trinh Diem	Quynh	19-10-07	2558020237	Khoa Nội thất	25NT8	240	160	400	23-11-25
87	Le Thi Van	Anh	05-09-07	2558020016	Khoa Nội thất	25NT3	205	200	405	23-11-25
88	Tran Kieu	Anh	24-10-07	2558020038	Khoa Nội thất	25NT4	255	150	405	23-11-25
89	Tran Thi Tu	Uyen	17-02-07	2558020307	Khoa Nội thất	25NT4	220	185	405	23-11-25
90	Pham Manh	Kien	06-09-07	2558020129	Khoa Nội thất	25NT7	265	140	405	23-11-25
91	Vu To	Minh	05-03-07	2558020342	Khoa Nội thất	25NT2	280	130	410	23-11-25
92	Trinh Ngoc	Linh	02-02-06	2558020156	Khoa Nội thất	25NT2	205	205	410	23-11-25
93	Phung Manh	Dat	24-11-05	2558020076	Khoa Nội thất	25NT5	275	135	410	23-11-25
94	Ngo Ngoc Linh	Chi	03-10-07	2558020063	Khoa Nội thất	25NT4	315	100	415	23-11-25
95	Nguyen Ngoc Tung	Anh	21-06-07	2558020022	Khoa Nội thất	25NT4	265	150	415	23-11-25
96	Vu Phuong	Linh	15-04-07	2558020158	Khoa Nội thất	25NT8	240	180	420	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
97	Ngo Thi Huong Mai	12-09-07	2558020167	Khoa Nội thất	25NT4	310	115	425	23-11-25
98	Nguyen Thi Ha Tam	25-10-07	2558020240	Khoa Nội thất	25NT5	250	175	425	23-11-25
99	Phung Tam Anh	07-09-07	2558020035	Khoa Nội thất	25NT6	280	145	425	23-11-25
100	Ngo Khanh Ly	31-08-07	2558020161	Khoa Nội thất	25NT7	250	175	425	23-11-25
101	Nguyen Thao Ngan	31-12-07	2558020192	Khoa Nội thất	25NT7	270	155	425	23-11-25
102	Pham Yen Nhi	05-01-07	2558020211	Khoa Nội thất	25NT4	225	210	435	23-11-25
103	Nguyen Thao Linh	20-02-07	2558020151	Khoa nội thất	25NT2	205	235	440	23-11-25
104	La Phuong Ngan	24-06-07	2558020190	Khoa Nội thất	25NT8	280	160	440	23-11-25
105	Tran Khanh Huyen	02-05-07	2558020110	Khoa Nội thất	25NT8	235	210	445	23-11-25
106	Nguyen Thuy Anh	24-01-07	2556040005	Khoa Quy hoạch	25UD	205	145	350	23-11-25
107	Phan Dang Hop	11-12-07	2556040014	Khoa Quy hoạch	25UD	220	130	350	23-11-25
108	Nguyen Dinh Duong	15-08-07	2551020022	Khoa Quy hoạch	25Q2	225	130	355	23-11-25
109	Nguyen Anh Dung	03-12-07	2551020019	Khoa Quy hoạch	25Q1	185	175	360	23-11-25
110	Nguyen Cong Trong Nghia	27-02-07	2556040037	Khoa Quy hoạch	25UD	220	140	360	23-11-25
111	Nguyen Tran Uyen Dung	21-11-07	2552010010	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	215	150	365	23-11-25
112	Nguyen Khanh Toan	08-04-07	2551020113	Khoa Quy hoạch	25Q2	225	140	365	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
113	Nguyen Xuan	Tung	03-03-07	2551020125	Khoa Quy hoạch	25Q2	260	105	365	23-11-25
114	Ha Tuan	Anh	12-04-07	2556040001	Khoa Quy hoạch	25UD	190	175	365	23-11-25
115	Do Quang	Huy	07-09-07	2551020049	Khoa Quy hoạch	25Q1	220	150	370	23-11-25
116	Dong Thi Anh	Linh	19-12-07	2552010033	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	205	170	375	23-11-25
117	Do Hong	Ngoc	22-12-07	2551020084	Khoa Quy hoạch	25Q1	220	155	375	23-11-25
118	Nguyen Xuan	Quy	15-05-07	2551020097	Khoa Quy hoạch	25Q2	250	130	380	23-11-25
119	Nguyen Minh	Hien	07-11-07	2556040012	Khoa Quy hoạch	25UD	205	175	380	23-11-25
120	Phung Thi Phuong	Linh	20-04-07	2552010035	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	185	205	390	23-11-25
121	Tu Huong	Giang	05-04-07	2551020033	Khoa Quy hoạch	25Q1	220	175	395	23-11-25
122	Le Ngoc Nam	Khanh	27-08-07	2551020058	Khoa Quy hoạch	25Q2	185	210	395	23-11-25
123	Nguyen Do	Thien	22-06-07	2551020109	Khoa Quy hoạch	25Q2	220	175	395	23-11-25
124	Hoang Kim	Ngan	29-12-07	2552010047	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	185	215	400	23-11-25
125	Vu Nguyen Anh	Thu	30-11-07	2552010062	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	240	160	400	23-11-25
126	Doan Nhat	Khanh	24-11-07	2551020056	Khoa Quy hoạch	25Q2	280	135	415	23-11-25
127	Do Cam	Nhung	22-08-07	2556040042	Khoa Quy hoạch	25UD	250	170	420	23-11-25
128	Nguyen Ngoc Duy	Anh	14-10-07	2556040004	Khoa Quy hoạch	25UD	275	145	420	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
129	Hoang Phuc	Khanh	19-09-07	2551020057	Khoa Quy hoạch	25Q1	245	180	425	23-11-25
130	Dao Thien	An	14-11-07	2551020013	Khoa Quy hoạch	25Q1	250	175	425	23-11-25
131	Dinh Mai	Phuong	09-11-07	2551020092	Khoa Quy hoạch	25Q1	245	185	430	23-11-25
132	Nguyen Quang	Long	01-07-07	2551020070	Khoa Quy hoạch	25Q2	275	155	430	23-11-25
133	Nguyen Cong	Minh	11-12-07	2552010043	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	230	205	435	23-11-25
134	Nguyen Huu Phi	Hung	20-10-07	2552010023	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	250	190	440	23-11-25
135	Dao Hoang Phuong	Linh	03-12-07	2551020061	Khoa Quy hoạch	25Q1	290	150	440	23-11-25
136	Dinh Thach	Duong	12-04-07	2551020021	Khoa Quy hoạch	25Q1	245	200	445	23-11-25
137	Nguyen Ho Bao	Ngoc	07-11-07	2556040038	Khoa Quy hoạch	25UD	255	190	445	23-11-25
138	Nguyen Viet	Hung	30-04-07	2556040015	Khoa Quy hoạch	25UD	270	175	445	23-11-25
139	Ha Quang	Sang	06-12-07	2556020203	Khoa Xây dựng	25DA3	140	210	350	23-11-25
140	Nguyen Ba Toan	Quoc	02-02-06	2551090033	Khoa Xây dựng	25VL	175	180	355	23-11-25
141	Hua Viet	Linh	18-10-07	2551030122	Khoa Xây dựng	25X+	215	140	355	23-11-25
142	Vu Ha Anh	Viet	19-07-07	2551030221	Khoa Xây dựng	25X+	235	120	355	23-11-25
143	Nguyen Dinh Tuan	Minh	17-04-07	2551030148	Khoa Xây dựng	25X2	215	140	355	23-11-25
144	Bui Phuong	Nhung	05-04-07	2551070042	Khoa Xây dựng	25XN	195	160	355	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
145	Do Dinh Quang Le	27-06-07	2551070032	Khoa Xây dựng	25XN	240	115	355	23-11-25
146	Nguyen Phuong Thao	08-06-07	2556020216	Khoa Xây dựng	25DA1	225	135	360	23-11-25
147	Le Duc Anh	27-10-07	2556020012	Khoa Xây dựng	25DA2	210	150	360	23-11-25
148	Nguyen Danh Ba Anh	24-12-07	2556020016	Khoa Xây dựng	25DA1	240	125	365	23-11-25
149	Nong Khanh Ly	06-06-07	2556020154	Khoa Xây dựng	25DA4	210	155	365	23-11-25
150	Do Minh Duc	06-02-07	2551090009	Khoa Xây dựng	25VL	235	130	365	23-11-25
151	Nguyen Gia Anh	27-02-07	2551030008	Khoa Xây dựng	25X3	220	145	365	23-11-25
152	Do Nhat Lam	01-10-07	2556020128	Khoa Xây dựng	25DA3	225	145	370	23-11-25
153	Nguyen Hai Yen	01-09-07	2556020259	Khoa Xây dựng	25DA4	220	155	375	23-11-25
154	Vu Cong Vinh	16-05-07	2556020254	Khoa Xây dựng	25DA4	185	190	375	23-11-25
155	Luong Thanh Dinh	25-12-07	2551090008	Khoa Xây dựng	25VL	185	190	375	23-11-25
156	Pham Gia Do	19-11-07	2551030050	Khoa Xây dựng	25X+	225	155	380	23-11-25
157	Nguyen Ngoc Lu	01-01-07	2556020150	Khoa Xây dựng	25DA5	265	120	385	23-11-25
158	Vu Phan Tu	25-11-07	2556020242	Khoa Xây dựng	25DA2	210	180	390	23-11-25
159	Ta Dinh Viet	09-04-07	2556020249	Khoa Xây dựng	25DA4	240	150	390	23-11-25
160	Pham Chau Khanh	26-06-07	2556020115	Khoa Xây dựng	25DA5	280	110	390	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1** *rem*

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
161	Phạm Minh	Khoi	09-04-07	2556020120	Khoa Xây dựng	25DA5	235	160	395	23-11-25
162	Nguyễn Đình	Thinh	25-10-07	2551090039	Khoa Xây dựng	25VL	240	155	395	23-11-25
163	Nguyễn Trọng	Khoa	16-11-07	2551030113	Khoa Xây dựng	25X2	235	160	395	23-11-25
164	Trần Văn	Huy	30-10-06	2551030093	Khoa Xây dựng	25X3	235	160	395	23-11-25
165	Le Trieu	Hai	07-10-07	2551030067	Khoa Xây dựng	25X+	260	140	400	23-11-25
166	Nguyễn Thanh	Hung	12-09-07	2556020097	Khoa Xây dựng	25DA2	225	180	405	23-11-25
167	Phạm Hoàng	Minh	21-10-07	2551030152	Khoa Xây dựng	25X2	250	155	405	23-11-25
168	Lúc Minh	Anh	16-07-07	2556020011	Khoa Xây dựng	25DA1	235	175	410	23-11-25
169	Nguyễn Văn	Long	17-09-07	2551030131	Khoa Xây dựng	25X1	225	185	410	23-11-25
170	Tuông Duy	Duc	13-11-07	2551030062	Khoa Xây dựng	25X2	240	170	410	23-11-25
171	Nguyễn Trung	Hieu	09-09-07	2556020092	Khoa Xây dựng	25DA2	170	245	415	23-11-25
172	Đinh Thị Hồng	Linh	18-11-07	2556020133	Khoa Xây dựng	25DA3	195	220	415	23-11-25
173	Le Minh	Son	29-07-07	2551030183	Khoa Xây dựng	25X+	180	235	415	23-11-25
174	Trần Minh	Vu	28-01-07	2551030223	Khoa Xây dựng	25X2	205	210	415	23-11-25
175	Vu Đức	Trung	16-08-07	2556020237	Khoa Xây dựng	25DA2	245	175	420	23-11-25
176	Nguyễn Trần Phương	Minh	16-12-07	2551090025	Khoa Xây dựng	25VL	240	180	420	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
177	Đoàn Thai Gia Huy	10-03-07	2551030084	Khoa Xây dựng	25X+	215	205	420	23-11-25
178	Le Phuc Truong	26-01-07	2551030212	Khoa Xây dựng	25X+	180	240	420	23-11-25
179	Le Bao Ngoc	03-11-07	2556020180	Khoa Xây dựng	25DA5	225	200	425	23-11-25
180	Phan Viet Nga	06-11-98	2551090027	Khoa Xây dựng	25VL	245	180	425	23-11-25
181	Le Nguyen Hoang Duong	14-09-07	2551030037	Khoa Xây dựng	25X1	215	210	425	23-11-25
182	Do Quang Anh	28-04-07	2551030003	Khoa Xây dựng	25X2	255	170	425	23-11-25
183	Duong Quang Huy	17-11-07	2551030083	Khoa Xây dựng	25X+	275	155	430	23-11-25
184	Nguyen Giang Son	08-11-07	2551030184	Khoa Xây dựng	25X1	225	205	430	23-11-25
185	Nguyen Gia Hoang	09-12-07	2551030078	Khoa Xây dựng	25X2	275	155	430	23-11-25
186	Hoang Ngan Giang	04-03-07	2551070014	Khoa Xây dựng	25XN	230	200	430	23-11-25
187	Dang Quoc Dat	26-09-07	2556020067	Khoa Xây dựng	25DA2	235	200	435	23-11-25
188	Truong Ngoc Anh	10-07-07	2556020034	Khoa Xây dựng	25DA4	270	170	440	23-11-25
189	Tran Vu Long	30-04-07	2556020149	Khoa Xây dựng	25DA4	325	115	440	23-11-25
190	Tran Le Thanh	29-12-07	2551030191	Khoa Xây dựng	25X3	280	160	440	23-11-25
191	Nguyen Hoang Nhat	25-08-07	2551070041	Khoa Xây dựng	25XN	220	220	440	23-11-25
192	Giang Hue Linh	16-07-07	2556020134	Khoa Xây dựng	25DA4	280	165	445	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
193	Be Nhat	Minh	22-12-07	2551030141	Khoa Xây dựng	25X3	310	135	445	23-11-25
194	Nguyen Tuan Duc	Anh	14-05-07	2551070003	Khoa Xây dựng	25XN	255	190	445	23-11-25
195	Nguyen Duc	Thuy	03-08-07	2551070050	Khoa Xây dựng	25XN	250	195	445	23-11-25

(Danh sách gồm 195 sinh viên)

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
1	Nguyễn Thi	Hang	08-05-07	2555010065	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	215	235	450	26-10-25
2	Nguyễn Hoang	Ly	09-01-07	2555030030	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	245	205	450	26-10-25
3	Nguyễn Anh	Tu	07-10-07	2555030049	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	215	235	450	26-10-25
4	Phạm Bích	Phuong	26-07-07	2555020071	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	250	210	460	26-10-25
5	Dang Nhat	Anh	25-07-07	2555020002	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	275	185	460	26-10-25
6	Nguyễn Thi	Thuy	19-07-07	2555020086	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	245	215	460	26-10-25
7	Vu Van Truong	An	25-07-07	2555010002	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	220	240	460	26-10-25
8	Nguyễn Viet	Toan	19-07-07	2555010186	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	205	260	465	26-10-25
9	Nguyễn Tran Thuy	Tien	11-05-07	2555010184	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	245	220	465	26-10-25
10	Tran Ngoc Hai	Anh	24-05-07	2555010018	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	195	275	470	26-10-25
11	Vu Ngoc Long	Khanh	26-08-07	2555030027	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	305	165	470	26-10-25
12	Phan Khanh	Ha	27-11-07	2555020029	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	255	220	475	26-10-25
13	Nguyễn Phạm Lan	Anh	06-10-07	2555020006	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	275	200	475	26-10-25
14	Luong The	Hung	22-08-07	2555010077	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	310	165	475	26-10-25
15	Nguyễn Dinh	Ha	02-03-07	2555030017	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	270	210	480	26-10-25
16	Nguyễn Thi	Quynh	14-11-07	2555020077	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	300	185	485	26-10-25
17	Duong Thi Tu	Ninh	30-11-07	2555030037	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	235	255	490	26-10-25
18	Nguyễn Hai	Hoang	06-07-07	2555010075	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	315	185	500	26-10-25
19	Nguyễn Luong	Uyen	20-12-07	2555030050	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	270	230	500	26-10-25
20	Nguyễn Huu	Quyen	15-11-07	2555020076	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	305	200	505	26-10-25
21	Tran Phuong	Linh	01-01-07	2555020054	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	255	260	515	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
22	Nguyen Ba Manh	Dung	03-03-07	2555010037	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	310	205	515	26-10-25
23	Dau Cao Bao	Thang	27-11-07	2555010175	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	245	280	525	26-10-25
24	Nguyen Vu Phuong	Linh	13-11-07	2555020052	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	250	280	530	26-10-25
25	Ngo Khanh	Linh	14-12-07	2555010103	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	300	230	530	26-10-25
26	Nguyen Le Mai	Anh	13-12-07	2555010010	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	235	300	535	26-10-25
27	Nguyen Tuan	Minh	05-07-07	2555010130	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	285	250	535	26-10-25
28	Pham Kim	Hong	13-05-07	2555020036	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	315	235	550	26-10-25
29	Vu Phu	Cuong	06-09-07	2555010034	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	275	285	560	26-10-25
30	Dinh Bao	Vy	19-11-07	2555010206	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	300	260	560	26-10-25
31	Dinh Kim	Hoan	14-03-07	2555020034	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	310	260	570	26-10-25
32	Bui Thi Thanh	Huyen	04-05-07	2555020039	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	320	260	580	26-10-25
33	Nguyen Ha	Vy	15-11-07	2555030052	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	325	255	580	26-10-25
34	Ha Tuan	Anh	06-05-07	2555010005	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	350	235	585	26-10-25
35	Vu Tuan	Long	06-12-07	2555010109	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	370	215	585	26-10-25
36	Cao Sy Tuan	Dat	09-06-07	2555010047	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	355	230	585	26-10-25
37	Dao Thanh	Van	27-03-07	2555020103	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	295	300	595	26-10-25
38	Nguyen Do Tuan	Minh	20-08-07	2555010121	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	270	325	595	26-10-25
39	Nguyen Van	Huy	07-07-07	2555010084	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	315	280	595	26-10-25
40	Nguyen Quang	Dung	09-11-07	2555020015	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	335	265	600	26-10-25
41	Luong Quoc Anh	Khoi	22-02-07	2555010093	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	315	285	600	26-10-25
42	Bui Cung	Nguyen	10-02-06	2555010138	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	350	265	615	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

John

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-DHKT-DT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
43	Bui Xuan	Sang	12-12-07	2555010166	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	320	305	625	26-10-25
44	Vu Thanh	Dat	18-05-07	2555010051	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	330	295	625	26-10-25
45	Nguyen Hoang Phuong	Thao	11-08-07	2555010174	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	340	300	640	26-10-25
46	Vu Nguyen Quoc	Cuong	28-02-07	2555010033	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	350	295	645	26-10-25
47	Vu Ngoc	Son	11-04-07	2555010167	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	350	295	645	26-10-25
48	Dam Tuan	Tu	21-09-07	2555020096	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	365	285	650	26-10-25
49	Le Duc	Duy	27-11-07	2555010043	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	310	340	650	26-10-25
50	Bui Thi Anh	Thu	20-08-07	2555010183	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	345	315	660	26-10-25
51	Van Doan Viet	Hoang	16-06-07	2555030024	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	330	340	670	26-10-25
52	Bui Hai	Anh	22-10-07	2555010207	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	380	305	685	26-10-25
53	Tran Sy	Tuan	27-05-07	2555010199	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	375	330	705	26-10-25
54	Nguyen Ha	Linh	09-06-07	2555020047	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	360	350	710	26-10-25
55	Nguyen Trung	Kien	30-09-07	2555010097	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	380	330	710	26-10-25
56	Le Thu	Yen	08-10-07	2555020106	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	365	350	715	26-10-25
57	Dinh Minh	Hang	29-05-07	2555030019	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	390	325	715	26-10-25
58	Le Hang	Anh	18-09-07	2555020004	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	395	340	735	26-10-25
59	Mai Thanh	Cong	12-10-07	2555020013	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	370	385	755	26-10-25
60	Vu Thi Thuy	Trang	04-10-07	2555020095	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	360	395	755	26-10-25
61	Phan Thi Thanh	Thuy	25-11-07	2555020087	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	380	385	765	26-10-25
62	Nguyen Duc	Minh	17-11-07	2555010123	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	420	350	770	26-10-25
63	Hoang Phuong	Nam	05-01-07	2555020058	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	390	395	785	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
						Listening	Reading	Total	
64	Vuong Khanh Huyen	20-06-07	2555010085	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	365	430	795	26-10-25
65	Pham Khac Chinh	21-05-07	2555010028	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	425	375	800	26-10-25
66	Nguyen Viet Phong	27-03-07	2555030040	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	425	375	800	26-10-25
67	Vu Han Nhu	01-05-07	2555020067	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	395	420	815	26-10-25
68	Truong Nhat Duy	19-12-07	2555030011	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	450	380	830	26-10-25
69	Mai Thanh Dat	13-12-07	2555030015	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	440	405	845	26-10-25
70	Nguyen Kieu Trang	10-11-07	2555030047	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	490	440	930	26-10-25
71	Nguyen Tuan Nam	05-07-07	2551050060	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	260	190	450	26-10-25
72	Ha Hoang Anh	30-07-07	2556010001	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	295	155	450	26-10-25
73	Tran Dinh An	01-11-07	2551050002	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	325	130	455	26-10-25
74	Nguyen Viet Tien	04-01-07	2551050078	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	285	170	455	26-10-25
75	Le Duc Trung Anh	11-10-07	2551060001	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25M	215	250	465	26-10-25
76	Vuong Tuan Duc Tai	28-08-07	2551040040	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	305	160	465	26-10-25
77	Hoang Thanh Lam	21-03-07	2551050047	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	250	220	470	26-10-25
78	Le Thanh Lam	14-11-07	2554010025	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	240	235	475	26-10-25
79	Tran Huy Ngoc	06-04-07	2551040033	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	295	180	475	26-10-25
80	Do Anh Kiet	31-12-07	2556010026	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	285	200	485	26-10-25
81	Tran Vu Phuong Linh	18-04-07	2556010029	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	285	205	490	26-10-25
82	Hoang Thu Hang	01-12-07	2551050027	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	245	265	510	26-10-25
83	Ha Le Mai Hoa	09-11-07	2551050035	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	310	205	515	26-10-25
84	Phan Viet Hoang	27-12-07	2554010014	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	275	240	515	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
85	To Gia	Huy	15-03-07	2551040019	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	280	235	515	26-10-25
86	Pham Nam	Khanh	25-07-07	2554010019	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	325	200	525	26-10-25
87	Luu Minh	Duc	02-11-07	2554010012	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	265	275	540	26-10-25
88	Khuong Le Minh	Kiet	27-12-07	2551050046	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	285	260	545	26-10-25
89	Pho Thien	An	12-10-07	2554010002	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	335	210	545	26-10-25
90	Pham Quang	Anh	11-01-07	2556010061	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	345	200	545	26-10-25
91	Hoang Gia	Khanh	14-11-07	2551050091	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	320	235	555	26-10-25
92	Nguyen Trung	Kien	08-11-07	2554010021	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	325	260	585	26-10-25
93	Tran Hoang	Minh	24-02-07	2551050057	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	370	220	590	26-10-25
94	Vu Duc	Anh	14-07-07	2551060006	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25M	340	250	590	26-10-25
95	Nguyen Van Chi	Manh	25-08-07	2551040029	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	350	240	590	26-10-25
96	Bui The Anh	Duc	19-10-07	2551040013	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	325	285	610	26-10-25
97	Hoang Le	Huy	24-01-07	2554010016	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	365	250	615	26-10-25
98	Tran Tuan	Minh	25-09-07	2554010027	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	380	285	665	26-10-25
99	Ta Khanh	Phuong	13-11-07	2551050066	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	405	410	815	26-10-25
100	Vu Doan Ngoc	Khanh	06-12-07	2553010079	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	245	205	450	26-10-25
101	Vu Thi Phuong	Anh	28-09-07	2553010018	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	235	215	450	26-10-25
102	Hoang Ngoc	Hai	25-07-07	2553010059	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	235	220	455	26-10-25
103	Tran Thi Thanh	Binh	18-02-07	2553010027	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	250	205	455	26-10-25
104	Vu Minh	Chau	15-07-07	2553010028	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	220	240	460	26-10-25
105	Le Vu Nguyet	Minh	06-09-07	2553010105	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	250	210	460	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
106	Nguyen Khanh	Dang	30-05-07	2551080035	Khoa Quản lý đô thị	25QL2	290	170	460	26-10-25
107	Nguyen Tuan	Phong	21-05-07	2551080107	Khoa Quản lý đô thị	25QL2	270	190	460	26-10-25
108	Pham Ngoc	Hien	25-04-07	2551080051	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	275	185	460	26-10-25
109	Duong Le	Vy	16-07-07	2553040052	Khoa Quản lý đô thị	25DE	255	210	465	26-10-25
110	Nguyen Ha	Anh	30-05-07	2553020002	Khoa Quản lý đô thị	25IE	290	175	465	26-10-25
111	Tran Minh	Phuong	11-11-07	2553020034	Khoa Quản lý đô thị	25IE	210	255	465	26-10-25
112	Vu Manh	Cuong	28-01-07	2553010032	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	235	230	465	26-10-25
113	Vuong Nhat	Nam	25-08-07	2553010111	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	225	240	465	26-10-25
114	Pham Huy	Hoang	22-09-07	2551080055	Khoa Quản lý đô thị	25QL1	280	185	465	26-10-25
115	Phan Le	Minh	29-06-07	2553020028	Khoa Quản lý đô thị	25IE	210	260	470	26-10-25
116	Truong Thi My	Linh	08-12-07	2551080081	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	270	200	470	26-10-25
117	Vu Minh	Hieu	10-09-07	2553030027	Khoa Quản lý đô thị	25TL	220	250	470	26-10-25
118	Tran Thao	Nhi	10-01-07	2553030046	Khoa Quản lý đô thị	25TL	245	225	470	26-10-25
119	Ho Thanh	Trung	26-11-07	2553010175	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	245	230	475	26-10-25
120	Pham Van	Dat	17-10-07	2556030016	Khoa Quản lý đô thị	25RM	210	265	475	26-10-25
121	Nguyen Huong	Giang	29-10-07	2551080042	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	260	220	480	26-10-25
122	Vu Thi Kim	Ngan	02-10-07	2556030044	Khoa Quản lý đô thị	25RM	290	190	480	26-10-25
123	Cao Tuan	Kiet	01-09-07	2553010082	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	325	160	485	26-10-25
124	Pham Duc	Tuan	16-12-07	2553040049	Khoa Quản lý đô thị	25DE	280	210	490	26-10-25
125	Nguyen Vu Duy	Thanh	24-06-07	2553010136	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	285	210	495	26-10-25
126	Le Hoang	Phuc	20-09-07	2551080109	Khoa Quản lý đô thị	25QL1	315	185	500	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
127	Nguyen Minh	Khanh	08-02-07	2551080072	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	340	160	500	26-10-25
128	Bui Tien	Dung	18-05-07	2553020009	Khoa Quản lý đô thị	25IE	225	280	505	26-10-25
129	Pham Thi Thu	Huyen	21-03-07	2553010070	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	255	250	505	26-10-25
130	Vu Gia	Linh	29-01-07	2551080082	Khoa Quản lý đô thị	25QL1	305	200	505	26-10-25
131	Trieu Van	Anh	03-08-07	2553010016	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	325	185	510	26-10-25
132	Le Cong	Khoa	15-08-07	2553030032	Khoa Quản lý đô thị	25TL	270	240	510	26-10-25
133	Luu Thi Anh	Thu	21-05-07	2553010154	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	220	295	515	26-10-25
134	Nguyen Bach	Tung	25-12-07	2553010181	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	270	245	515	26-10-25
135	Nguyen Cam	Tu	11-06-07	2551080149	Khoa Quản lý đô thị	25QL2	285	230	515	26-10-25
136	Bui Hoang	Minh	22-12-07	2553010100	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	260	260	520	26-10-25
137	Duong Viet	Quy	17-05-07	2553010127	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	270	250	520	26-10-25
138	Le Duc	Anh	15-06-07	2553010007	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	260	265	525	26-10-25
139	Nguyen Hong	Lien	07-09-07	2553010085	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	260	265	525	26-10-25
140	Cao Minh	Thanh	20-04-07	2553010134	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	270	255	525	26-10-25
141	Do Viet	Hoang	25-10-07	2553030028	Khoa Quản lý đô thị	25TL	270	260	530	26-10-25
142	Nguyen Ngoc Cam	Vi	15-05-07	2553030059	Khoa Quản lý đô thị	25TL	285	250	535	26-10-25
143	Chu Duc	Minh	19-07-07	2553010102	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	320	220	540	26-10-25
144	Dang Vu Khanh	Linh	10-05-07	2556030036	Khoa Quản lý đô thị	25RM	300	240	540	26-10-25
145	Nguyen Dang Thai	Son	29-08-07	2553010133	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	285	270	555	26-10-25
146	Nguyen Quang	Trung	05-02-07	2551080144	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	310	245	555	26-10-25
147	Tran Khanh	Hung	26-03-07	2556030031	Khoa Quản lý đô thị	25RM	300	255	555	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-DHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
148	Ha Thanh	Lam	29-04-07	2553030035	Khoa Quản lý đô thị	25TL	315	245	560	26-10-25
149	Nguyen Huyen	Ngan	10-07-07	2553030044	Khoa Quản lý đô thị	25TL	320	245	565	26-10-25
150	Nguyen Nhat	Anh	17-11-07	2553010009	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	285	285	570	26-10-25
151	Nguyen Thien	Anh	29-03-07	2556030005	Khoa Quản lý đô thị	25RM	340	240	580	26-10-25
152	Truong Thi Anh	Ngoc	12-06-07	2551080101	Khoa Quản lý đô thị	25Q12	315	280	595	26-10-25
153	Pham Hoai	Thu	02-10-06	2556030063	Khoa Quản lý đô thị	25RM	335	260	595	26-10-25
154	Nguyen Thanh	Lam	17-09-07	2551080078	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	305	300	605	26-10-25
155	Vu Quoc	Hanh	04-12-07	2551080047	Khoa Quản lý đô thị	25Q12	290	320	610	26-10-25
156	Hoang Ngoc	Minh	28-09-07	2553010104	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	375	265	640	26-10-25
157	Trinh Hoang Khanh	Phuong	14-12-07	2553010124	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	335	325	660	26-10-25
158	Nguyen Hoang Gia	Bao	04-02-06	2553020005	Khoa Quản lý đô thị	25IE	375	290	665	26-10-25
159	Do Minh	Khoi	29-05-07	2551080074	Khoa Quản lý đô thị	25Q12	330	340	670	26-10-25
160	Tran Duy	Cuong	18-09-07	2553010031	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	385	295	680	26-10-25
161	Lang The	Toan	21-01-07	2553010159	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	395	305	700	26-10-25
162	Tran Xuan	Trong	28-07-07	2551080141	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	375	345	720	26-10-25
163	Nguyen Thanh	Trung	21-08-07	2551080145	Khoa Quản lý đô thị	25QL1	430	325	755	26-10-25
164	Dang Ngoc Thuy	Tien	22-03-07	2553010158	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	450	315	765	26-10-25
165	Nguyen Dinh Thai	Xuan	23-05-07	2551080161	Khoa Quản lý đô thị	25Q12	415	385	800	26-10-25
166	Tran Trang	Anh	06-07-07	2551080010	Khoa Quản lý đô thị	25QL1	435	380	815	26-10-25
167	Nguyen Cong	Thanh	22-11-07	2551080123	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	435	395	830	26-10-25
168	Nguyen Phuong	Minh	06-10-07	2553030041	Khoa Quản lý đô thị	25TL	465	400	865	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
						Listening	Reading	Total	
169	Pham Ngoc Quang	10-03-07	2553030049	Khoa Quản lý đô thị	25TL	240	220	460	26-10-25
170	Le Thi Thu Hoai	06-02-07	2558010057	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	260	190	450	26-10-25
171	Le Uyen Nhi	08-01-07	2558060018	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25MDT	235	215	450	26-10-25
172	Le Minh Khue	21-12-07	2558010068	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	185	275	460	26-10-25
173	Truong Hoang Dac Thanh	20-09-07	2558010139	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	270	195	465	26-10-25
174	Le Minh Anh	09-05-07	2558010021	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	180	285	465	26-10-25
175	Tran Thi Quynh Chi	07-11-07	2558010033	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	235	235	470	26-10-25
176	Tran Minh Anh	23-09-07	2558050004	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	215	255	470	26-10-25
177	Pham Nhat My	02-04-07	2558010104	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	230	245	475	26-10-25
178	Nguyen Thi Thanh Binh	02-08-07	2558050006	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	265	210	475	26-10-25
179	Tran Huong Giang	01-11-07	2558010045	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	285	195	480	26-10-25
180	Nguyen Mai Trang	11-11-07	2558050044	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	230	250	480	26-10-25
181	Le Gia Dung	30-07-07	2558060005	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25MDT	300	190	490	26-10-25
182	Nguyen Trang Nhung	15-11-07	2558010125	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	265	235	500	26-10-25
183	Pham Huong Giang	26-02-07	2558010044	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	265	235	500	26-10-25
184	Nguyen Khanh Ly	17-12-07	2558010087	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	285	220	505	26-10-25
185	Bui Thi Thuy Linh	28-09-07	2558010072	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	230	275	505	26-10-25
186	Vu Thao Nguyen	22-12-07	2558010119	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	215	295	510	26-10-25
187	Le Phuong Thanh	03-10-07	2558010137	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	280	235	515	26-10-25
188	Dao Truc Linh	10-04-07	2558040040	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	295	220	515	26-10-25
189	Dang Phuong Thao	23-11-07	2558010140	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	300	235	535	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-DHKT-DT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
190	Doan Huong	Truc	06-02-07	2558050045	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	300	235	535	26-10-25
191	Cao Phuong	Linh	01-03-07	2558010073	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	300	240	540	26-10-25
192	Nguyen Tran Thanh	Truc	30-03-07	2558010157	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	245	295	540	26-10-25
193	Luu Thi Ngoc	Oanh	02-03-05	2558010127	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	280	265	545	26-10-25
194	Nguyen Thi	Le	03-11-07	2558010070	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	265	285	550	26-10-25
195	Pham Khanh	Ly	02-02-07	2558040049	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	295	255	550	26-10-25
196	Ngo Phan Mai	Trang	04-07-07	2558010150	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	310	255	565	26-10-25
197	Nguyen Diep	Chi	19-10-07	2558040016	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	270	295	565	26-10-25
198	Le Nhi	Na	01-03-07	2558010105	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	320	250	570	26-10-25
199	Trieu Phuong	Hien	13-04-07	2558050016	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	330	250	580	26-10-25
200	Pham Nguyen Bao	Diep	29-09-07	2558010036	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	345	240	585	26-10-25
201	Dang Nu Nguyet	Linh	18-08-07	2558010075	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	285	300	585	26-10-25
202	Ha Nguyen Khanh	Ly	03-12-07	2558030014	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DK	310	275	585	26-10-25
203	Phung Thanh	Van	24-04-07	2558040087	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	380	215	595	26-10-25
204	Nguyen Quynh	Nga	11-02-07	2558050031	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	300	305	605	26-10-25
205	Le Thi Van	Thanh	20-11-07	2558010138	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	335	275	610	26-10-25
206	Nguyen Huyen	My	16-08-04	2558060027	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25MDT	265	345	610	26-10-25
207	Nguyen Thi Tam	Nhu	12-12-07	2558050036	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	260	350	610	26-10-25
208	Tran Yen	Vy	07-04-07	2558050048	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	300	310	610	26-10-25
209	Nguyen Thi Thu	Yen	09-02-07	2558050049	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	310	300	610	26-10-25
210	Vu Mai	Trang	25-07-07	2558040084	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	325	285	610	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
211*	Ngo Thi Tra	My	16-10-07	2558040055	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	330	285	615	26-10-25
212	Nguyen Le Ha	Thu	01-07-06	2558040076	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	335	280	615	26-10-25
213	Vu Thuy Ngoc	Linh	24-06-07	2558030011	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DK	320	300	620	26-10-25
214	Nguyen Hien	Luong	23-03-07	2558010085	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	315	320	635	26-10-25
215	Le Ngoc	Khanh	11-09-07	2558010065	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	330	305	635	26-10-25
216	Nguyen Ha	Phuong	28-06-07	2558010129	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	300	335	635	26-10-25
217	Do Khanh	Linh	24-02-07	2558010074	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	350	300	650	26-10-25
218	Nguyen Nhat	Anh	25-09-07	2558010022	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	370	285	655	26-10-25
219	Vu Tam	Anh	02-07-07	2558040013	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	360	295	655	26-10-25
220	Tran Luong Nhat	Anh	16-10-07	2558010017	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	335	325	660	26-10-25
221	Nguyen Bao	Lam	22-07-07	2558040035	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	330	330	660	26-10-25
222	Phan Danh Tung	Duong	16-01-07	2558010039	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	315	350	665	26-10-25
223	Trinh Lam	Nhu	16-12-07	2558010126	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	325	345	670	26-10-25
224	Vu Thi Cam	Van	16-09-07	2558010168	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	370	305	675	26-10-25
225	Nguyen Trung	Hieu	18-10-07	2558050018	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	355	320	675	26-10-25
226	Doan Duc	Luong	09-05-06	2558050027	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	390	295	685	26-10-25
227	Nguyen Ba Dang	Khoa	14-10-07	2558050021	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	325	365	690	26-10-25
228	Pham Khanh	Linh	29-08-07	2558010081	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	375	320	695	26-10-25
229	Nguyen Tuong Van	Anh	24-10-07	2558050003	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	390	305	695	26-10-25
230	Pham Nguyen Bao	Lan	09-03-07	2558010069	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	375	335	710	26-10-25
231	Vu Anh	Thu	23-03-07	2558050043	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	375	335	710	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
232	Nguyen Mai Huyen	Anh	04-03-07	2558010009	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	350	365	715	26-10-25
233	Chu Gia	Linh	19-03-07	2558050023	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	355	365	720	26-10-25
234	Phung Minh	Ngoc	24-03-07	2558010117	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	355	370	725	26-10-25
235	Nguyen Minh	Chau	29-03-07	2558050008	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	320	405	725	26-10-25
236	Nguyen Van Anh	Hao	21-06-07	2558060007	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25MDT	370	370	740	26-10-25
237	Nguyen Thien	Lam	28-12-07	2558050022	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	380	365	745	26-10-25
238	Nguyen Khanh	Van	20-09-07	2558010165	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	400	365	765	26-10-25
239	Vu Chau	Khanh	27-03-07	2558040034	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	405	370	775	26-10-25
240	Nguyen Van	Anh	26-10-07	2558040008	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	405	375	780	26-10-25
241	Le Quynh	Chau	05-08-07	2558050007	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	400	390	790	26-10-25
242	Huynh Thi Anh	Thu	18-03-07	2558010146	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	415	385	800	26-10-25
243	Tran Do Minh	Chau	25-02-07	2558010029	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	415	400	815	26-10-25
244	Ha Anh	Tho	02-04-07	2558010143	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	420	425	845	26-10-25
245	Nguyen Thanh	Mai	14-08-07	2558010094	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	455	410	865	26-10-25
246	Le Minh	Anh	18-11-07	2558010008	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	450	435	885	26-10-25
247	Nguyen Ngoc	Linh	26-05-07	2558010080	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	470	420	890	26-10-25
248	Duong Mai	Chi	06-12-06	2558010031	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	465	475	940	26-10-25
249	Le Quynh	Chi	15-08-06	2558050010	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	495	460	955	26-10-25

(Danh sách gồm 249 sinh viên)

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
1	Vu Khoa	Dang	13-03-07	2555020026	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	295	285	580	23-11-25
2	Nguyen Thanh	Vinh	15-10-07	2551010411	Khoa Kiến trúc	25K1	240	210	450	23-11-25
3	Dinh Van	Hai	10-10-07	2551010123	Khoa Kiến trúc	25K3	170	280	450	23-11-25
4	Bui Quang	Huy	07-07-07	2551010157	Khoa Kiến trúc	25K5	280	170	450	23-11-25
5	Chu Cao	Son	20-09-07	2551010328	Khoa Kiến trúc	25K+	215	240	455	23-11-25
6	Nguyen Nhu	Vu	09-07-07	2551010414	Khoa Kiến trúc	25K1	295	160	455	23-11-25
7	Vu Ngoc	Quynh	11-10-07	2551010324	Khoa Kiến trúc	25K4	230	235	465	23-11-25
8	Tran Thu	Huyen	09-03-07	2551010170	Khoa Kiến trúc	25K5	305	160	465	23-11-25
9	Ninh The	Anh	28-02-07	2551010034	Khoa Kiến trúc	25K1	305	165	470	23-11-25
10	Nguyen Ngoc	Anh	04-09-07	2551010045	Khoa Kiến trúc	25K4	300	170	470	23-11-25
11	Nguyen Thi Thuy	An	02-01-07	2551010004	Khoa Kiến trúc	25K5	190	285	475	23-11-25
12	Pham Minh	Hoang	01-03-07	2551010149	Khoa Kiến trúc	25K6	275	220	495	23-11-25
13	Nguyen Thi To	Nhu	11-11-07	2551010292	Khoa Kiến trúc	25K2	295	205	500	23-11-25
14	Dau Duc	Phap	21-02-07	2551010296	Khoa Kiến trúc	25K5	280	220	500	23-11-25
15	Hoang Diem	Quynh	04-01-07	2551010322	Khoa Kiến trúc	25K1	305	200	505	23-11-25
16	Vo Dinh Thien	Phu	10-03-07	2551010302	Khoa Kiến trúc	25K4	280	230	510	23-11-25
17	Pham Huu	Khiem	04-04-07	2551010191	Khoa Kiến trúc	25K3	280	235	515	23-11-25
18	Nguyen Sy	Cuong	11-04-07	2551010071	Khoa Kiến trúc	25K4	325	190	515	23-11-25
19	Nguyen Van	Hieu	24-02-07	2551010141	Khoa Kiến trúc	25K4	285	230	515	23-11-25
20	Bui Son	Tung	24-04-07	2551010397	Khoa Kiến trúc	25K1	285	235	520	23-11-25
21	Luong Anh	Dung	28-09-07	2551010081	Khoa Kiến trúc	25K5	315	205	520	23-11-25
22	Pham Phuong	Linh	17-06-07	2551010216	Khoa Kiến trúc	25K+	315	210	525	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)	
						Listening	Reading	Total		
23	Dam Viet	Dang	11-07-07	2551010112	Khoa Kiến trúc	25K1	310	220	530	23-11-25
24	Hoang Tien	Dat	28-07-07	2551010101	Khoa Kiến trúc	25K4	280	250	530	23-11-25
25	Bui Duy	Anh	24-06-07	2551010009	Khoa Kiến trúc	25K4	355	180	535	23-11-25
26	Nguyen Thuy	Trang	22-02-07	2551010375	Khoa Kiến trúc	25K6	275	260	535	23-11-25
27	Hoang Thi Anh	Ngoc	19-07-07	2551010274	Khoa Kiến trúc	25K6	305	235	540	23-11-25
28	Nguyen Hai	Anh	18-03-07	2551010022	Khoa Kiến trúc	25K4	300	250	550	23-11-25
29	Nguyen Phuong	Anh	27-06-07	2551010028	Khoa Kiến trúc	25K2	310	250	560	23-11-25
30	Duong Dang	Quang	10-05-07	2551010311	Khoa Kiến trúc	25K3	305	255	560	23-11-25
31	Nguyen Tue	Minh	22-11-07	2551010249	Khoa Kiến trúc	25K3	300	265	565	23-11-25
32	Le Ngoc Linh	Nhi	18-09-07	2551010289	Khoa Kiến trúc	25K5	295	275	570	23-11-25
33	Le Phan Tuong	Vi	14-12-07	2551010407	Khoa Kiến trúc	25K5	335	240	575	23-11-25
34	Tran Phuong	Anh	16-05-07	2551010039	Khoa Kiến trúc	25K+	320	260	580	23-11-25
35	Duong Duc	Toan	08-08-07	2551010365	Khoa Kiến trúc	25K4	295	285	580	23-11-25
36	Nguyen Dieu	Hien	29-05-07	2551010134	Khoa Kiến trúc	25K4	325	255	580	23-11-25
37	Tran Sy Anh	Tu	06-01-07	2551010392	Khoa Kiến trúc	25K6	305	280	585	23-11-25
38	Tran Thanh	Hai	01-12-07	2551010130	Khoa Kiến trúc	25K2	255	340	595	23-11-25
39	Pham	Khang	11-09-07	2551010182	Khoa Kiến trúc	25K6	340	255	595	23-11-25
40	Trinh Tuan	Khai	27-09-07	2551010180	Khoa Kiến trúc	25K+	320	280	600	23-11-25
41	Vy Khanh	Duy	23-09-07	2551010087	Khoa Kiến trúc	25K3	340	260	600	23-11-25
42	Nguyen Dieu	Thao	29-05-07	2551010346	Khoa Kiến trúc	25K+	365	240	605	23-11-25
43	Tran Giai	Linh	13-12-07	2551010218	Khoa Kiến trúc	25K+	375	235	610	23-11-25
44	Nguyen Ngoc Quynh	Anh	09-08-07	2551010024	Khoa Kiến trúc	25K+	310	305	615	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
45	Nguyen Phuong Chi	02-01-07	2551010063	Khoa Kiến trúc	25K1	335	280	615	23-11-25
46	Pham Tuong An	29-10-07	2551010006	Khoa Kiến trúc	25K3	315	300	615	23-11-25
47	Hoang Minh Ngoc	21-06-07	2551010273	Khoa Kiến trúc	25K2	370	250	620	23-11-25
48	Do Tu Uyen	30-10-07	2551010403	Khoa Kiến trúc	25K1	350	275	625	23-11-25
49	Ha Si Kien	11-05-07	2551010197	Khoa Kiến trúc	25K2	310	315	625	23-11-25
50	Ngo Duc Duy	22-06-07	2551010085	Khoa Kiến trúc	25K1	370	260	630	23-11-25
51	Le Thinh Vuong	17-07-07	2551010416	Khoa Kiến trúc	25K2	350	285	635	23-11-25
52	Nguyen Song Long	19-09-07	2551010223	Khoa Kiến trúc	25K5	340	300	640	23-11-25
53	Tran Nhan Vien Lam	13-11-07	2551010206	Khoa Kiến trúc	25K3	310	340	650	23-11-25
54	Nguyen Van Ngoc Khang	14-08-06	2551010181	Khoa Kiến trúc	25K4	350	300	650	23-11-25
55	Dang Tam Lan	19-03-07	2551010203	Khoa Kiến trúc	25K6	355	300	655	23-11-25
56	Pham Trong Hoang Dat	17-08-07	2551010106	Khoa Kiến trúc	25K5	360	305	665	23-11-25
57	Nguyen Nam Anh	22-12-07	2551010023	Khoa Kiến trúc	25K+	355	325	680	23-11-25
58	Nguyen Hai Anh	09-12-07	2551010021	Khoa Kiến trúc	25K+	370	315	685	23-11-25
59	Pham Hoang Nguyen	13-08-07	2551010282	Khoa Kiến trúc	25K1	350	340	690	23-11-25
60	Ngo Huy Hoang	17-10-07	2551010147	Khoa Kiến trúc	25K5	340	350	690	23-11-25
61	Nguyen Thi Quynh Mai	16-11-07	2551010234	Khoa Kiến trúc	25K3	365	330	695	23-11-25
62	Nguyen Quoc Lam Anh	04-03-05	2551010029	Khoa Kiến trúc	25K5	335	360	695	23-11-25
63	Do Le Hai Ninh	21-10-07	2551010293	Khoa Kiến trúc	25K5	325	380	705	23-11-25
64	Nguyen Nhat Anh	01-03-07	2551010026	Khoa Kiến trúc	25K1	425	305	730	23-11-25
65	Nguyen Quang Thai	12-01-07	2551010339	Khoa Kiến trúc	25K3	380	350	730	23-11-25
66	Pham Thi Thuy Duong	31-12-07	2551010095	Khoa Kiến trúc	25K+	365	385	750	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
67	Tran Minh	Tam	15-08-07	2551010334	Khoa Kiến trúc	25K+	360	395	755	23-11-25
68	Pham Van	Lam	30-12-07	2551010202	Khoa Kiến trúc	25K+	415	345	760	23-11-25
69	Pham Tien	Cuong	07-10-07	2551010073	Khoa Kiến trúc	25K+	375	395	770	23-11-25
70	Hoang Anh	Tho	28-04-07	2551010355	Khoa Kiến trúc	25K4	395	380	775	23-11-25
71	Nguyen Qui	An	15-12-03	2551010003	Khoa Kiến trúc	25K4	370	415	785	23-11-25
72	Tran Le Ha	Anh	02-03-07	2551010038	Khoa Kiến trúc	25K+	440	375	815	23-11-25
73	Nguyen Ba Anh	Tuan	09-09-07	2551010394	Khoa Kiến trúc	25K5	440	375	815	23-11-25
74	Vu Gia	Huy	07-03-07	2551010165	Khoa Kiến trúc	25K3	440	380	820	23-11-25
75	Pham Duy	Khanh	04-01-07	2551010185	Khoa Kiến trúc	25K6	390	435	825	23-11-25
76	Tran Bao	An	21-05-07	2551010007	Khoa Kiến trúc	25K4	410	420	830	23-11-25
77	Pham Anh	Viet	28-10-07	2551010410	Khoa Kiến trúc	25K5	440	405	845	23-11-25
78	Nguyen Quang	Long	18-04-07	2551010222	Khoa Kiến trúc	25K6	445	435	880	23-11-25
79	Nguyen Tuong Thien	Vu	01-11-07	2551010415	Khoa Kiến trúc	25K3	485	405	890	23-11-25
80	Nguyen Van	Thanh	28-09-07	2551010340	Khoa Kiến trúc	25K2	455	470	925	23-11-25
81	Nguyen Van	Anh	11-06-07	2551010032	Khoa Kiến trúc	25K+	475	460	935	23-11-25
82	Nguyen Nhat	Minh	19-08-07	2551010247	Khoa Kiến trúc	25K6	495	455	950	23-11-25
83	Nguyen Manh	Quan	08-11-07	2551060024	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25M	385	260	645	23-11-25
84	Le Cam	Tu	04-07-06	2558020299	Khoa Nội thất	25NT2	295	155	450	23-11-25
85	Tran Nguyen Gia	Han	06-08-07	2558020092	Khoa Nội thất	25NT5	290	160	450	23-11-25
86	Nguyen Thi Minh	Ngoc	06-12-07	2558020201	Khoa Nội thất	25NT2	250	210	460	23-11-25
87	Vu Ngoc	Mai	05-06-07	2558020172	Khoa Nội thất	25NT5	315	150	465	23-11-25
88	Ninh Ngoc Viet	Hang	27-02-07	2558020088	Khoa Nội thất	25NT7	240	225	465	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
89	Phạm Khanh	Ly	12-09-07	2558020162	Khoa Nội thất	25NT1	240	230	470	23-11-25
90	Le Minh	Anh	09-05-07	2558020015	Khoa Nội thất	25NT4	205	265	470	23-11-25
91	Ta Uyen	Nhi	05-12-07	2558020212	Khoa Nội thất	25NT1	270	205	475	23-11-25
92	Phạm Phuong	Linh	05-08-07	2558020153	Khoa Nội thất	25NT3	260	215	475	23-11-25
93	Dong Khanh	Linh	26-09-07	2558020140	Khoa Nội thất	25NT5	290	190	480	23-11-25
94	Dinh Minh	Ngoc	09-01-07	2558020196	Khoa Nội thất	25NT1	245	245	490	23-11-25
95	Le Thi Ngoc	Anh	31-05-07	2558020044	Khoa Nội thất	25NT5	280	210	490	23-11-25
96	Tran Thuy	Trang	05-09-07	2558020290	Khoa Nội thất	25NT6	320	170	490	23-11-25
97	Hoang Gia	Bao	05-07-07	2558020052	Khoa Nội thất	25NT1	315	180	495	23-11-25
98	Do Phạm Anh	Thu	12-11-07	2558020265	Khoa Nội thất	25NT5	240	255	495	23-11-25
99	Do Ha	My	10-12-07	2558020180	Khoa Nội thất	25NT3	230	270	500	23-11-25
100	Do Tuan	Phong	31-01-07	2558020219	Khoa Nội thất	25NT5	215	285	500	23-11-25
101	Nguyen Ngoc Bao	Tran	25-06-07	2558020295	Khoa Nội thất	25NT2	315	200	515	23-11-25
102	Phạm Hoang Ha	Anh	01-12-07	2558020031	Khoa Nội thất	25NT6	275	250	525	23-11-25
103	Nguyen Thi Phuong	Uyen	08-10-07	2558020306	Khoa Nội thất	25NT1	280	250	530	23-11-25
104	Ta Quynh	Nhu	24-01-06	2558020339	Khoa Nội thất	25NT3	315	215	530	23-11-25
105	Bui Quynh	Huong	19-04-07	2558020115	Khoa Nội thất	25NT4	375	155	530	23-11-25
106	Do Thuy	Duong	16-11-07	2558020073	Khoa Nội thất	25NT5	345	185	530	23-11-25
107	Le Thi Ngoc	Anh	20-02-07	2558020045	Khoa Nội thất	25NT1	305	230	535	23-11-25
108	Phan Bao	Tram	22-05-07	2558020293	Khoa Nội thất	25NT5	300	255	555	23-11-25
109	Nguyen Thi Ngan	Ha	21-12-05	2558020083	Khoa Nội thất	25NT8	335	220	555	23-11-25
110	Vu Mai	Trang	21-07-07	2558020292	Khoa Nội thất	25NT1	295	265	560	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
111	Dinh Cam Chi	16-09-07	2558020059	Khoa Nội thất	25NT7	380	185	565	23-11-25
112	Le Trang Nhung	06-11-07	2558020213	Khoa Nội thất	25NT4	315	255	570	23-11-25
113	Cao Tue Minh	23-10-07	2558020173	Khoa Nội thất	25NT6	310	260	570	23-11-25
114	Ngo Ngoc Linh	01-05-07	2558020143	Khoa Nội thất	25NT3	315	260	575	23-11-25
115	Cao Minh Tran Nam	31-08-04	2558020187	Khoa Nội thất	25NT8	365	210	575	23-11-25
116	Ha Phuong Hue	24-06-07	2558020100	Khoa Nội thất	25NT1	325	255	580	23-11-25
117	Tran Bao Thu	24-02-07	2558020270	Khoa Nội thất	25NT5	310	270	580	23-11-25
118	Vo Bao Ngoc	20-06-07	2558020335	Khoa Nội thất	25NT7	350	235	585	23-11-25
119	Ngo Bao Minh Chau	29-05-07	2558020057	Khoa Nội thất	25NT3	325	265	590	23-11-25
120	Luu Ngoc Mai	08-08-07	2558020166	Khoa Nội thất	25NT4	325	265	590	23-11-25
121	Nguyen Phuong Anh	19-09-07	2558020025	Khoa Nội thất	25NT5	350	245	595	23-11-25
122	Truong Thi Thanh Tam	10-04-07	2558020241	Khoa Nội thất	25NT1	335	275	610	23-11-25
123	Hoang Thi Anh Tuyet	12-01-07	2558020301	Khoa Nội thất	25NT3	345	270	615	23-11-25
124	Ngo Thao Nguyen	19-01-07	2558020202	Khoa Nội thất	25NT2	330	295	625	23-11-25
125	Le Thi Bich Ngoc	08-05-07	2558020198	Khoa Nội thất	25NT4	330	295	625	23-11-25
126	Nguyen Huong Giang	12-12-07	2558020080	Khoa Nội thất	25NT3	325	310	635	23-11-25
127	Le Hong Van	01-09-07	2558020308	Khoa Nội thất	25NT1	365	280	645	23-11-25
128	Le Thi Thu Thuy	01-08-07	2558020257	Khoa Nội thất	25NT1	345	300	645	23-11-25
129	Nguyen Hong Ngoc	25-11-07	2558020199	Khoa Nội thất	25NT2	315	340	655	23-11-25
130	Nguyen Ha Vy	17-12-07	2558020322	Khoa Nội thất	25NT6	360	300	660	23-11-25
131	Nguyen Minh Thu	07-07-07	2558020254	Khoa Nội thất	25NT8	410	260	670	23-11-25
132	Nong Thuy Tien	29-09-03	2558020275	Khoa Nội thất	25NT1	305	370	675	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
133	Ho Gia Bao	20-07-07	2558020051	Khoa Nội thất	25NT2	360	315	675	23-11-25
134	Nguyen Chau Anh	24-11-07	2558020018	Khoa Nội thất	25NT4	355	320	675	23-11-25
135	Tran Chau Giang	06-10-07	2558020081	Khoa Nội thất	25NT7	385	290	675	23-11-25
136	Nguyen Ngoc Anh	21-10-07	2558020047	Khoa Nội thất	25NT1	355	325	680	23-11-25
137	Dinh Ngoc Anh	09-09-07	2558020011	Khoa Nội thất	25NT5	335	355	690	23-11-25
138	Le Pham Bao Han	27-02-07	2558020089	Khoa Nội thất	25NT8	385	305	690	23-11-25
139	Nguyen Ngoc Quynh Chi	26-09-07	2558020066	Khoa Nội thất	25NT6	425	270	695	23-11-25
140	Ta Thi Hai Yen	25-02-07	2558020329	Khoa Nội thất	25NT4	390	320	710	23-11-25
141	Bui Thi Mai Linh	13-11-07	2558020136	Khoa Nội thất	25NT7	370	350	720	23-11-25
142	Nguyen Thi Bich Diep	14-10-07	2558020340	Khoa Nội thất	25NT4	365	365	730	23-11-25
143	Dang Thi Minh Ngoc	23-12-07	2558020197	Khoa Nội thất	25NT7	375	390	765	23-11-25
144	Nguyen Khoa Ha Trang	28-04-07	2558020282	Khoa Nội thất	25NT8	415	350	765	23-11-25
145	Do Duy Thai	01-09-07	2558020244	Khoa Nội thất	25NT1	435	345	780	23-11-25
146	Ta Chuc An	28-11-07	2558020002	Khoa Nội thất	25NT6	445	355	800	23-11-25
147	Nguyen Gia Han	06-11-07	2558020091	Khoa Nội thất	25NT8	420	390	810	23-11-25
148	Le Bao Lam	21-07-07	2558020131	Khoa Nội thất	25NT3	450	390	840	23-11-25
149	Dam Minh Ngoc	14-09-07	2558020195	Khoa Nội thất	25NT1	470	380	850	23-11-25
150	Doan Cong Dat	05-08-07	2558020074	Khoa Nội thất	25NT2	480	375	855	23-11-25
151	Dinh Hoang Phat	28-11-07	2558020218	Khoa Nội thất	25NT2	475	390	865	23-11-25
152	Doan Hai Anh	01-10-07	2558020013	Khoa Nội thất	25NT3	445	430	875	23-11-25
153	Dinh Dai Quang	05-11-07	2558020227	Khoa Nội thất	25NT7	475	420	895	23-11-25
154	Lai Nhat Anh	22-01-07	2558020017	Khoa Nội thất	25NT8	485	410	895	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
155	Hoang Ngoc Bich	02-01-07	2558020334	Khoa Nội thất	25NT6	455	445	900	23-11-25
156	Do Duc Nhan	21-07-07	2556040040	Khoa Quy hoạch	25UD	230	225	455	23-11-25
157	Ngo Le Minh	04-10-07	2552010042	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	245	220	465	23-11-25
158	Bui Nguyen Thao	20-09-07	2551020108	Khoa Quy hoạch	25Q1	275	190	465	23-11-25
159	Nguyen Pham Quynh Anh	10-04-07	2552010002	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	250	220	470	23-11-25
160	Vu Van Thai Nam	21-05-07	2551020079	Khoa Quy hoạch	25Q1	315	155	470	23-11-25
161	Nguyen Thi Khanh Linh	02-09-07	2556040028	Khoa Quy hoạch	25UD	255	225	480	23-11-25
162	Nguyen Phuong Linh	06-09-07	2552010034	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	290	200	490	23-11-25
163	Tran Ngoc Thanh	17-03-07	2551020107	Khoa Quy hoạch	25Q2	255	240	495	23-11-25
164	Luong Minh Anh	28-03-07	2556040002	Khoa Quy hoạch	25UD	240	260	500	23-11-25
165	Bui Tien Thanh	27-11-07	2552010060	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	285	220	505	23-11-25
166	Dao Duy Huan	24-08-07	2551020043	Khoa Quy hoạch	25Q1	285	220	505	23-11-25
167	Han Ngoc Han	09-05-07	2552010018	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	285	225	510	23-11-25
168	Phan Lac Viet Anh	07-01-07	2552010005	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	240	270	510	23-11-25
169	Tran Tam Anh	07-06-07	2551020009	Khoa Quy hoạch	25Q1	350	160	510	23-11-25
170	Lai Quynh Chi	20-06-07	2552010008	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	275	245	520	23-11-25
171	Nguyen Duy Khanh	06-10-07	2551020059	Khoa Quy hoạch	25Q1	320	210	530	23-11-25
172	Pham Dieu Huyen	24-12-07	2556040016	Khoa Quy hoạch	25UD	310	220	530	23-11-25
173	Pham Thanh An	13-03-07	2551020002	Khoa Quy hoạch	25Q2	335	215	550	23-11-25
174	Tran Van Thinh	21-11-07	2551020110	Khoa Quy hoạch	25Q1	305	250	555	23-11-25
175	Tran Chi Son	27-03-07	2551020102	Khoa Quy hoạch	25Q1	315	250	565	23-11-25
176	Luong Binh An	05-04-07	2551020001	Khoa Quy hoạch	25Q1	325	240	565	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
177	Dương Thị Tuong Vi	02-04-07	2552010070	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	280	300	580	23-11-25
178	Dang Luu Bao Lan	10-04-07	2552010032	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	300	280	580	23-11-25
179	Do Minh Khoi	21-12-07	2556040022	Khoa Quy hoạch	25UD	295	295	590	23-11-25
180	Tran Khanh Hoan	18-05-07	2551020040	Khoa Quy hoạch	25Q2	385	210	595	23-11-25
181	Phuong Ngoc Mai	13-11-07	2556040031	Khoa Quy hoạch	25UD	325	290	615	23-11-25
182	Le Do Trung Nguyen	28-12-07	2552010052	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	350	305	655	23-11-25
183	Dinh Thi Dieu Linh	19-12-07	2551020062	Khoa Quy hoạch	25Q2	340	320	660	23-11-25
184	Le Anh Khoi	11-08-07	2556040023	Khoa Quy hoạch	25UD	340	320	660	23-11-25
185	Bui Nguyen Thanh Loc	01-01-07	2551020071	Khoa Quy hoạch	25Q1	385	280	665	23-11-25
186	Tran Ngan Ha	22-04-07	2556040010	Khoa Quy hoạch	25UD	335	335	670	23-11-25
187	Nguyen Anh Duy	08-06-07	2556040008	Khoa Quy hoạch	25UD	335	335	670	23-11-25
188	Hoang Khanh Linh	25-09-07	2556040026	Khoa Quy hoạch	25UD	355	315	670	23-11-25
189	Ngo Nam Thang	19-06-07	2556040048	Khoa Quy hoạch	25UD	355	325	680	23-11-25
190	Nguyen Trung Duong	21-06-07	2551020023	Khoa Quy hoạch	25Q1	375	320	695	23-11-25
191	Dao Dong Nhi	11-08-07	2551020088	Khoa Quy hoạch	25Q1	415	280	695	23-11-25
192	Le Khanh Linh	29-06-07	2551020064	Khoa Quy hoạch	25Q2	360	335	695	23-11-25
193	Ha Nhat Long	23-07-07	2551020069	Khoa Quy hoạch	25Q1	370	340	710	23-11-25
194	Dang Tu Anh	22-03-07	2551020004	Khoa Quy hoạch	25Q2	350	365	715	23-11-25
195	Vu Ha Linh	24-12-07	2552010036	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	375	355	730	23-11-25
196	Nguyen Hong Mai	30-12-07	2556040030	Khoa Quy hoạch	25UD	400	355	755	23-11-25
197	Ngo Gia Khanh	20-11-07	2552010027	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	395	365	760	23-11-25
198	Nguyen Quy Dat	02-03-07	2552010013	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	390	375	765	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
199	Hoang Thi Thuy	Ngan	27-09-07	2551020081	Khoa Quy hoạch	25Q2	405	360	765	23-11-25
200	Luu Dan	Ly	17-01-07	2551020072	Khoa Quy hoạch	25Q2	390	375	765	23-11-25
201	Nguyen Hong Hue	Thu	17-11-07	2552010061	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	395	380	775	23-11-25
202	Ngo Hoang	Anh	28-12-07	2556040003	Khoa Quy hoạch	25UD	425	380	805	23-11-25
203	Ho Tran Tam	Anh	14-10-07	2551020005	Khoa Quy hoạch	25Q1	395	415	810	23-11-25
204	Nguyen Phuong	Linh	01-12-07	2556040027	Khoa Quy hoạch	25UD	435	375	810	23-11-25
205	Vu Linh	Nhu	19-10-01	2552010055	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	490	470	960	23-11-25
206	Dang Trong	Nhat	20-05-07	2558050034	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	380	395	775	23-11-25
207	Nguyen Hung	Dung	27-10-07	2551030032	Khoa Xây dựng	25X+	215	235	450	23-11-25
208	Do Khoi	Nghiep	02-07-07	2556020176	Khoa Xây dựng	25DA1	265	190	455	23-11-25
209	Bui Van	Thanh	21-05-07	2551030189	Khoa Xây dựng	25X3	255	200	455	23-11-25
210	Vo Thi Minh	Tam	19-06-07	2551090037	Khoa Xây dựng	25VL	220	240	460	23-11-25
211	Nguyen Khac Tung	Duong	15-02-06	2551030038	Khoa Xây dựng	25X3	255	205	460	23-11-25
212	Doan Ngoc	Chi	04-09-07	2556020046	Khoa Xây dựng	25DA1	295	175	470	23-11-25
213	Bui Dinh Duc	Minh	23-11-07	2556020158	Khoa Xây dựng	25DA3	255	220	475	23-11-25
214	Le Quoc	Anh	08-02-07	2551030005	Khoa Xây dựng	25X3	260	215	475	23-11-25
215	Nguyen Quang	Minh	16-03-07	2551070039	Khoa Xây dựng	25XN	240	235	475	23-11-25
216	Nguyen Hoang	Linh	15-11-07	2556020137	Khoa Xây dựng	25DA2	245	235	480	23-11-25
217	Nguyen Minh	Anh	14-10-07	2556020021	Khoa Xây dựng	25DA1	310	175	485	23-11-25
218	Nguyen Anh	Tuan	19-11-07	2556020244	Khoa Xây dựng	25DA4	220	265	485	23-11-25
219	Diep Tu	Hai	01-09-07	2551030065	Khoa Xây dựng	25X2	245	245	490	23-11-25
220	Dang Tung	Duong	15-06-07	2551030035	Khoa Xây dựng	25X3	240	250	490	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
221	Nguyễn Ngọc Diệp	21-12-07	2556020055	Khoa Xây dựng	25DA5	295	200	495	23-11-25
222	Vu Tuan Minh	04-06-07	2551030156	Khoa Xây dựng	25X+	285	215	500	23-11-25
223	Nguyen Huu Minh	02-02-07	2551030149	Khoa Xây dựng	25X2	310	200	510	23-11-25
224	Nguyen Khanh Linh	17-02-07	2556020138	Khoa Xây dựng	25DA3	290	230	520	23-11-25
225	Nguyen Quang Vinh	06-05-07	2556020253	Khoa Xây dựng	25DA3	275	245	520	23-11-25
226	Nguyen Quang Minh	22-09-07	2556020164	Khoa Xây dựng	25DA4	320	200	520	23-11-25
227	Pham Phuoc Lam	24-12-07	2551030119	Khoa Xây dựng	25X1	250	270	520	23-11-25
228	Le Huyen Trang	16-12-07	2551030206	Khoa Xây dựng	25X1	275	265	540	23-11-25
229	Pham Minh Thanh	26-10-07	2551070048	Khoa Xây dựng	25XN	260	285	545	23-11-25
230	Le Truong Bach	07-08-07	2556020038	Khoa Xây dựng	25DA3	325	225	550	23-11-25
231	Phan Huu Minh Thanh	18-12-07	2556020214	Khoa Xây dựng	25DA4	330	220	550	23-11-25
232	Nguyen Cao Nghia	20-11-07	2556020175	Khoa Xây dựng	25DA5	345	205	550	23-11-25
233	Ngo Tan Dung	30-05-07	2551030031	Khoa Xây dựng	25X3	315	235	550	23-11-25
234	Ha Tien Dong	22-03-07	2551030051	Khoa Xây dựng	25X+	335	245	580	23-11-25
235	Nguyen Huy Tuan	08-09-07	2556020245	Khoa Xây dựng	25DA5	345	245	590	23-11-25
236	Ho Nguyen Thuy Linh	31-10-07	2551030121	Khoa Xây dựng	25X+	305	290	595	23-11-25
237	Vu Dat Phat	27-10-07	2551030166	Khoa Xây dựng	25X1	355	240	595	23-11-25
238	Nguyen Phuong Linh	27-04-07	2556020141	Khoa Xây dựng	25DA1	295	310	605	23-11-25
239	Le The Khai	02-06-07	2551030105	Khoa Xây dựng	25X+	345	260	605	23-11-25
240	Dang Thanh Binh	15-02-07	2556020041	Khoa Xây dựng	25DA1	310	320	630	23-11-25
241	Le Minh Khoi	21-09-07	2551070029	Khoa Xây dựng	25XN	375	265	640	23-11-25
242	Tran Ngoc Minh Anh	20-08-07	2556020032	Khoa Xây dựng	25DA2	385	260	645	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

Hem

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
243	Hoang Duy Lam	03-11-07	2551030118	Khoa Xây dựng	25X+	345	305	650	23-11-25
244	Nguyen Dinh Son Giang	03-12-07	2551090011	Khoa Xây dựng	25VL	360	310	670	23-11-25
245	Ha Minh Duc	31-10-07	2551030056	Khoa Xây dựng	25X+	350	325	675	23-11-25
246	Nguyen Quang Hung	02-01-07	2551030101	Khoa Xây dựng	25X2	335	340	675	23-11-25
247	Phuong Quang Chien	26-01-07	2551030027	Khoa Xây dựng	25X+	410	285	695	23-11-25
248	Truong Thu Huyen	09-05-07	2556020108	Khoa Xây dựng	25DA3	405	305	710	23-11-25
249	Tran Quang Minh	13-09-07	2551030154	Khoa Xây dựng	25X1	370	355	725	23-11-25
250	Luu Phuc An	16-09-07	2551090001	Khoa Xây dựng	25VL	415	325	740	23-11-25
251	Vo Van Vuong	13-11-07	2551030224	Khoa Xây dựng	25X3	405	340	745	23-11-25
252	Nguyen Tan Sang	30-07-07	2556020204	Khoa Xây dựng	25DA4	415	335	750	23-11-25
253	Hoang Van Loi	31-05-07	2551030134	Khoa Xây dựng	25X+	375	385	760	23-11-25
254	Vo Minh Hieu	05-01-07	2551030075	Khoa Xây dựng	25X2	385	395	780	23-11-25
255	Van Tien Dat	01-10-07	2556020069	Khoa Xây dựng	25DA4	405	435	840	23-11-25
256	Le Hai Long	17-01-07	2551030129	Khoa Xây dựng	25X3	455	405	860	23-11-25
257	Nguyen Duc Huy	03-12-07	2551030086	Khoa Xây dựng	25X1	430	450	880	23-11-25

(Danh sách gồm 257 sinh viên)